

Lời nói đầu

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng của nước ta đã có sự phát triển đáng kể. Đóng góp cho sự phát triển này là ngành xây dựng cơ bản. Thành công của ngành xây dựng cơ bản đã góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và ngày càng có nhiều điều kiện tiềm năng phát triển lâu dài.

Cùng với xu hướng phát triển đặc biệt trong cơ chế thị trường, lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản có tốc độ phát triển nhanh chưa từng có ở nước ta. Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau không chỉ dựa vào chất lượng của công trình mà còn phụ thuộc vào giá của công trình có tính cạnh tranh với các doanh nghiệp khác hay không. Do vậy, các doanh nghiệp luôn phải tìm mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, quản lý vốn có hiệu quả, khắc phục tình trạng lãng phí, thất thoát nguyên vật liệu.

Chính vì thế hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công tác trọng tâm, không thể thiếu được trong các doanh nghiệp xây dựng cơ bản nói riêng và các ngành sản xuất kinh doanh nói chung. Công tác hạch toán này đòi hỏi các kế toán viên phải tập hợp đầy đủ, kịp thời và hợp lý chi phí đã sử dụng trong quá trình sản xuất, từ đó tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời nhằm cung cấp thông tin kinh tế xác thực cho việc quản lý chi phí sản xuất, giá thành của nhà quản trị doanh nghiệp xây lắp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian nghiên cứu và học tập tại trường và thực tập tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật, em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật”. Mục đích của đề tài này là vận dụng những kiến thức đã học về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành vào thực tế tại công ty. Trên cơ sở đó rút ra những ưu điểm, tồn tại nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty.

Nội dung của luận văn tốt nghiệp ngoài “Lời nói đầu” và “Kết luận” bao gồm 3 chương sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.

Do kiến thức và trình độ bản thân còn hạn chế nên luận văn của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô cũng như các cô chú trong phòng kế toán công ty để khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo TS Giang Thị Xuyên và các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH
NGHIỆP XÂY DỰNG****1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ SẢN
PHẨM XÂY LẮP****1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng
đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất quan trọng không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân. Xây dựng cơ bản là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hoá, khôi phục các công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, cầu cống, nhà cửa... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống xã hội. Nó có vai trò tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu, tăng tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng của nền kinh tế.

Đầu tư xây dựng cơ bản là một khâu không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, loại hình doanh nghiệp nào. Trong giá trị sản phẩm của các ngành, chi phí xây dựng chiếm một tỷ trọng nhất định nên hoạt động của ngành xây dựng cơ bản có ảnh hưởng đến hạ giá thành và tăng thu nhập quốc dân. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với một số ngành sản xuất kinh doanh khác và gắn liền với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật. Do vậy sự phát triển của hoạt động xây dựng cơ bản sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của một số ngành sản xuất khác, đồng thời cũng thúc đẩy sự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.1.1. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp

Sản phẩm sản xuất xây lắp không có sản phẩm nào giống sản phẩm nào. Mọi sản phẩm có yêu cầu về mặt thiết kế mỹ thuật, kết cấu, hình thức, địa điểm xây dựng khác nhau. Chính vì vậy, mọi sản phẩm xây lắp đều có yêu cầu về mặt quản lý, tổ chức thi công và biện pháp thi công riêng biệt phù hợp với đặc điểm

từng công trình cụ thể, có như vậy việc sản xuất thi công mới mang lại hiệu quả cao và bảo đảm cho sản xuất được liên tục.

Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài và phân tán. Trong thời gian sản xuất thi công xây dựng chưa tạo ra sản phẩm cho xã hội nhưng lại sử dụng nhiều vật tư, nhân lực của xã hội. Mặt khác, có rất nhiều phương thức kỹ thuật thi công khác nhau dẫn đến giá trị công trình khác nhau. Ngay cả khi công trình thi công theo cùng mẫu thiết kế nhưng được xây dựng ở nhiều địa điểm khác nhau thì giá trị công trình cũng khác nhau. Vì vậy đòi hỏi việc quản lý và hạch toán giá thành sản phẩm xây lắp nhất thiết phải lập dự toán, theo dõi quá trình sản xuất thi công phải chặt chẽ, đảm bảo sử dụng vốn tiết kiệm, bảo đảm chất lượng thi công công trình, quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải luôn so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán, theo giá thoả thuận giữa bên nhận thầu và bên giao thầu (chủ đầu tư) từ trước. Do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp không được thể hiện rõ và lợi nhuận trong doanh nghiệp xây lắp chủ yếu phụ thuộc vào việc tiết kiệm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất như: máy móc thiết bị thi công, người lao động... phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản vật tư cũng như chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm rất phức tạp.

Sản phẩm xây lắp có thời gian sử dụng lâu dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa, phải phá đi làm lại. Sai lầm trong xây dựng cơ bản vừa gây lãng phí, vừa để lại hậu quả có khi rất nghiêm trọng, lâu dài và khó khắc phục. Do vậy đòi hỏi chất lượng công trình phải đảm bảo và có tính thẩm mỹ cao. Do đặc điểm này mà trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp của từng công trình. Quá trình thi công thường được chia làm nhiều giai đoạn, công việc khác

nhau và các công việc diễn ra ngoài trời chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết tự nhiên, nên cần phải có sự quản lý tổ chức, giám sát chặt chẽ sao cho công trình hoàn thành đúng tiến độ quy định mà vẫn đảm bảo được chất lượng yêu cầu.

1.1.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Do sản phẩm có tính chất đơn chiếc và được sản xuất theo đơn đặt hàng, nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công cũng hoàn toàn khác nhau giữa các công trình. Việc tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định kết quả thi công xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt.

Hoạt động xây lắp được diễn ra với tính chất công việc không ổn định, luôn biến động theo địa điểm công trình và điều kiện thi công. Do vậy phải luôn thay đổi lựa chọn phương án thi công thích hợp để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình xây lắp. Vì thế có thể phát sinh thêm chi phí nên cần hạch toán chính xác.

Quá trình sản xuất diễn ra trên phạm vi lớn với số lượng công nhân và vật liệu lớn đòi hỏi công tác tổ chức xây lắp phải được sắp xếp hợp lý, có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các bộ phận và các giai đoạn công việc. Khi công trình xây dựng cơ bản hoàn thành công nhân phải chuyển đến thi công ở một công trình khác. Do đó sẽ phát sinh các chi phí như điều động công nhân, máy móc thi công, chi phí về xây dựng các công trình tạm thời cho công nhân và cho máy móc thi công. Vì thế mà các đơn vị xây lắp thường sử dụng lực lượng lao động thuê người tại chỗ nơi thi công công trường để giảm bớt chi phí khi di dời.

Như vậy, những điểm trên đã phân nào ảnh hưởng và chi phối đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp từ đó dẫn đến những khác biệt trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp

Chi phí phát sinh trong hoạt động xây dựng cơ bản thường rất lớn và đa dạng. Vì vậy trong công tác kế toán chi phí cần phải theo dõi chặt chẽ sự phát sinh của các loại chi phí và việc phản ánh các chi phí này đúng và đủ vào các tài khoản thích hợp.

Đối với sản phẩm xây lắp trước khi thi công phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán tổ chức) trong quá trình thực hiện phải thường xuyên đối chiếu với chi phí phát sinh so với dự toán để có những điều chỉnh kịp thời khi phát hiện sai lệch.

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động xây dựng cơ bản chủ yếu diễn ra các phương pháp đấu thầu và giao thầu. Vì vậy để có thể trúng thầu và thi công công trình, doanh nghiệp phải xây dựng giá thầu hợp lý cho công trình trên cơ sở những định mức, đơn giá xây dựng cơ bản mà Nhà nước đã ban hành trên cơ sở giá trị trường và khả năng của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo có lãi. Để thực hiện được điều này, doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý, đặc biệt là quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Nhiệm vụ đặt ra đối với kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Xác định đối tượng thực hiện chi phí và tính giá thành hợp lý;
- Xác định phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp;
- Phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ chi phí thực tế phát sinh cho từng đối tượng;
- Kiểm tra và phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại mất mát hư hỏng...trong sản xuất để có biện pháp kịp thời;
- Tổ chức thực hiện và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng thực hiện chi phí, xác định đúng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ;
- Lựa chọn phương pháp tính giá thành hợp lý, tính đúng các khoản mục chi phí theo đúng quy định và kỳ tính giá thành xác định;
- Đề ra các phương pháp và biện pháp hữu hiệu nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.2.1. Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1.1. Khái niệm

Chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình xây lắp và cấu thành nên giá thành xây lắp (với khối lượng xây lắp đã hoàn thành). Trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá và cơ chế hạch toán kinh doanh, mọi chi phí trên đều được thể hiện bằng tiền, trong đó chi phí về tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động sống, còn chi phí khấu hao tài sản cố định, nguyên nhiên vật liệu là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động vật hoá.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp kinh doanh xây lắp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình sản xuất. Nhưng để phục vụ cho quản lý và hạch toán, chi phí sản xuất phải được tính toán tập hợp cho từng thời kỳ: tháng, quý, năm phù hợp với kỳ báo cáo. Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí sản xuất gồm nhiều loại có tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, yêu cầu quản lý đối với từng loại cũng khác nhau. Do đó, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí tất yếu phải phân loại chi phí sản xuất.

1.2.1.2. Các cách phân loại chi phí sản xuất

Như trên đã nêu, chi phí sản xuất của các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp bao gồm nhiều loại có nội dung khác nhau, vì vậy, để phục vụ cho công tác quản lý chi phí sản xuất và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, có thể tiến hành phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Việc hạch toán chi phí theo từng loại tiêu thức sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin, là cơ sở cho việc phân đầu giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường hạch toán kinh tế trong các đơn vị xây dựng. Thông thường chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được phân loại theo các tiêu thức sau:

a/ Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế (theo yếu tố của chi phí)

Theo cách phân loại này, các chi phí có cùng nội dung kinh tế được xếp chung vào cùng một yếu tố, không xét đến nơi phát sinh chi phí hoặc mục đích sử

dụng của chi phí trong quá trình sản xuất. Đối với doanh nghiệp xây lắp bao gồm các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí vật liệu bao gồm: vật liệu chính như xi măng, sắt thép... nhiên liệu như xăng dầu... và công cụ dụng cụ như quần áo bảo hộ lao động...

- Chi phí nhân công: bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp theo lương mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định là khoản chi phí tính cho hao mòn của các loại tài sản cố định như: nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thi công, máy móc vận chuyển và các tài sản cố định dùng trong quản lý...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là số tiền phải trả cho dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

b/ Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh)

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế và theo công dụng kinh tế có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc phục vụ cho công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp gồm bốn khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : là tất cả những chi phí về nguyên liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp và giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu dùng cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung của doanh nghiệp).

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương, tiền công và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân phục vụ xây lắp, kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu

dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

- Chi phí về sử dụng máy thi công: Là chi phí sử dụng máy để hoàn thành sản phẩm xây lắp gồm: chi phí khấu hao máy thi công, chi phí nhiên liệu, động lực, tiền lương của công nhân điều khiển máy và chi phí khác phục vụ máy thi công.

- Chi phí sản xuất chung: Là chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ bộ máy quản lý, tổ đội, các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT... ; chi phí về công cụ, dụng cụ dùng cho quản lý, dụng cụ bảo hộ lao động; chi phí dịch vụ mua ngoài như chi về điện nước, điện thoại; các khoản chi bằng tiền khác.

Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức; là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục. Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và phương pháp lập dự toán trong xây dựng cơ bản là dự toán được lập cho từng đối tượng xây dựng theo các khoản mục giá thành nên phương pháp phân loại chi phí theo khoản mục là phương pháp được sử dụng phổ biến cho các doanh nghiệp xây dựng.

c/ Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

Theo cách phân loại này chi phí phân làm hai loại .

- Chi phí trực tiếp là những chi phí có liên quan trực tiếp với quá trình sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định bao gồm nguyên vật liệu xây dựng , tiền lương chính của công nhân sản xuất, khấu hao máy móc thiết bị thi công.

- Chi phí gián tiếp là những chi phí có liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc. Kết cấu của chi phí gián tiếp cũng tương tự như chi phí trực tiếp nhưng những chi phí này phát sinh ở bộ phận quản lý đội, phân xưởng sản xuất của đơn vị xây lắp, vì vậy kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng có liên quan theo một tiêu thức thích hợp.

d/ Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm hoàn thành

Theo cách này, chi phí được phân thành ba loại:

- Biến phí: là những khoản chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về mức độ hoạt động của doanh nghiệp.

- Định phí: là những khoản chi phí cố định khi khối lượng công việc hoàn thành thay đổi.

- Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí và định phí.

1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí trực tiếp khác tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành đến giai đoạn quy ước, đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và chấp nhận thanh toán.

Giá thành sản phẩm xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Sử dụng chi phí hợp lý, hạ giá thành tới mức tối đa là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp tăng khả năng trúng thầu, tạo việc làm và tăng thu thập cho cán bộ công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Để giúp cho việc quản lý tốt giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán cần phân biệt các loại giá thành khác nhau. Giá thành sản phẩm xây lắp được chia thành 4 loại:

a/ Giá thành dự toán

Là tổng các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá dự toán được xác định bằng giá trị dự toán thông qua hợp đồng giữa bên giao thầu và bên nhận thầu trên cơ sở định mức theo thiết kế được duyệt và khung giá quy định

đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng vào từng vùng lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán - Lợi nhuận định mức

Trong đó:

- Giá trị dự toán bằng khối lượng công tác xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước quy định nhân với đơn giá xây lắp do Nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công và các chi phí khác theo định mức.

- Lợi nhuận định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định để tích lũy cho xã hội do ngành xây dựng cơ bản tạo ra.

b/ Giá thành kế hoạch

Giá thành kế hoạch là giá thành được xây dựng trên cơ sở những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp về các định mức, đơn giá, biện pháp tổ chức thi công. Giá thành kế hoạch được tính toán, xây dựng trước khi thi công công trình, hạng mục công trình, do bộ phận kế hoạch thực hiện. Giá thành kế hoạch thường nhỏ hơn giá thành dự toán xây lắp ở mức hạ giá thành kế hoạch.

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán - Mức hạ giá thành kế hoạch

c/ Giá thành định mức

Là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được tại doanh nghiệp, công trình tại thời điểm bắt đầu thi công.

Khi đặc điểm kết cấu công trình thay đổi, hay có sự thay đổi về phương pháp tổ chức, về quản lý thi công thì định mức sẽ thay đổi và khi đó giá thành định mức được tính toán lại cho phù hợp.

d/ Giá thành thực tế

Giá thành thực tế là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành sản phẩm xây lắp. Giá thành thực tế được xây dựng trên cơ sở số liệu kế toán về chi phí sản xuất đã tập hợp được cho sản phẩm xây lắp thực hiện trong kỳ. Đây là chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh kết quả phân đấu của doanh nghiệp trong việc tiết kiệm các loại chi phí, xác định kết quả sản xuất trong kỳ.

Việc nghiên cứu giá thành xây lắp có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý giá thành. Thông qua kết cấu về giá thành ta sẽ thấy được tình hình chi phí của doanh nghiệp cũng như sự biến động của các khoản chi phí để có phương hướng, biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành. Đồng thời qua nghiên cứu kết cấu giá thành xây lắp của từng công trình, hạng mục công trình ta sẽ thấy được ưu, nhược điểm của quá trình thi công và quản lý giá thành để rút ra kinh nghiệm cải tiến phương pháp sản xuất và quản lý thi công.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công đòi hỏi phải so sánh các loại giá thành trên với nhau nhưng phải đảm bảo tính thống nhất về thời điểm và cách tính trong quá trình so sánh và so sánh này phải thực hiện trên cùng một đối tượng xây lắp. Giữa ba loại giá thành này thường có mối quan hệ về mặt lượng như sau:

Giá thành dự toán \geq Giá thành kế hoạch \geq Giá thành thực tế

So sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho thấy mức độ hạ giá thành của doanh nghiệp.

So sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán phản ánh chỉ tiêu tích lũy của doanh nghiệp, từ đó có thể dự định khả năng của doanh nghiệp trong năm tới.

So sánh giá thành thực tế với giá thành định mức cho thấy mức độ hoàn thành định mức đã đề ra của doanh nghiệp đối với từng khối lượng xây lắp cụ thể.

1.2.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

	Chi phí sản	Chi phí sản	Chi phí sản
Giá thành sản	xuất dở dang	+ xuất phát sinh	- xuất dở dang
phẩm xây lắp	đầu kỳ	trong kỳ	cuối kỳ

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ biện chứng với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

Về bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình thi công xây lắp. Nếu đối tượng xây lắp được khởi công và hoàn thành trong cùng một kỳ thì giá thành sản phẩm xây lắp chính bằng tổng chi phí thực tế

trong kỳ. Tuy nhiên chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp cũng có những đặc điểm riêng biệt khác nhau.

- Về chất: chi phí thể hiện hao phí sản xuất còn giá thành thể hiện kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh hao phí trong một thời kỳ nhất định còn giá thành sản phẩm phản ánh những hao phí liên quan đến công việc hoàn thành được bàn giao nghiệm thu.

- Về lượng: giá thành sản phẩm không bao gồm chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, các khoản chi phí đã chi ra chờ phân bổ kỳ sau, chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên lại gồm chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước trong kỳ và chi phí sản xuất trong kỳ trước được phân bổ cho kỳ sau.

Mặc dù có sự khác nhau nhưng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tài liệu để hạch toán chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sẽ quyết định đến tính chính xác của việc tính giá thành. Ngược lại, căn cứ vào việc tính giá thành sẽ xác định được tình hình chi phí sản xuất trong kỳ là tiết kiệm hay lãng phí.

1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1. Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn để tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh. Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cần căn cứ vào các yếu tố sau:

- Địa điểm phát sinh chi phí và công dụng của chi phí trong sản xuất;
- Tính chất sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm;
- Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt;
- Đặc điểm sản xuất: có hay không có bộ phận công trường, tổ đội thi công;
- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp xây lắp do những đặc điểm của sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc, đặc trưng kỹ thuật thi công, tổ chức sản xuất phức tạp và quá

trình thi công chia làm nhiều giai đoạn nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình hay theo từng đơn đặt hàng .

1.3.1.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là cách thức mà kế toán sử dụng để tập hợp, phân loại các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong một kì theo các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định và mở sổ chi tiết một cách phù hợp.

Doanh nghiệp xây lắp chủ yếu có ba phương pháp kế toán chi phí sản xuất sau:

- Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình: phương pháp này được áp dụng khi đối tượng hạch toán chi phí là công trình, hạng mục công trình. Hàng tháng, chi phí sản xuất phát sinh cho công trình nào được tập hợp và phân bổ cho công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Phương pháp kế toán chi phí theo đơn đặt hàng: các chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng nào được tập hợp và phân bổ theo đơn đặt hàng đó. Tổng chi phí phát sinh theo đơn kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp kế toán chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành: toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp cho đối tượng chịu chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công việc xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công việc xây lắp đó.

1.3.1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất

a/ Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

- Hoá đơn GTGT (trong trường hợp nguyên vật liệu không qua kho mà chuyển thẳng đến chân công trình)

- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng làm khoán
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương

- Bảng trích khấu hao, bảng phân bổ khấu hao
- Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

b/ Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Khi hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp kế toán thường sử dụng các tài khoản sau:

- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Và các tài khoản khác có liên quan được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

c/ Tổ chức hệ thống sổ kế toán

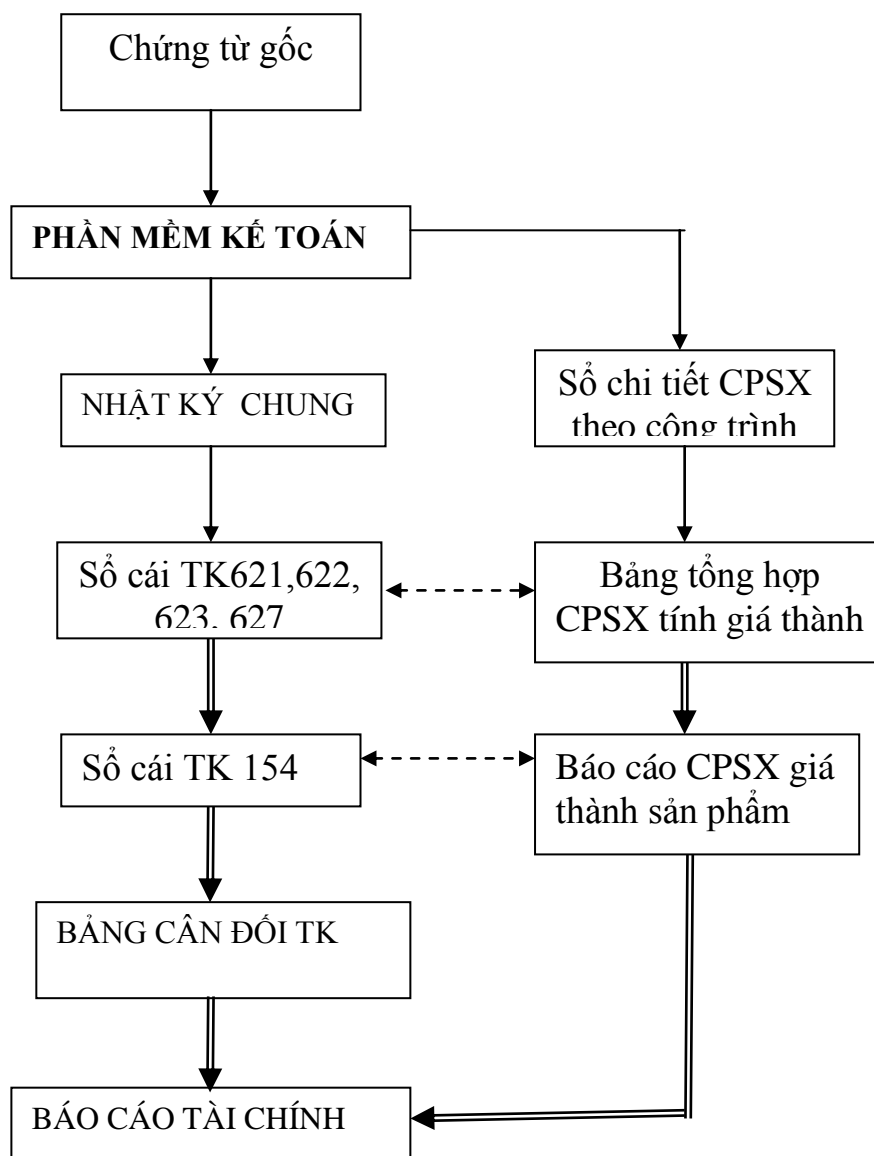
Đối với hình thức Nhật ký chung (hình thức công ty áp dụng) kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sử dụng các loại sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung: phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian.
- Sổ Cái tài khoản: phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản đó tập hợp cho tất cả các công trình.
- Sổ chi tiết tài khoản: phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản chi tiết theo công trình.

d/ Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Số liệu từ các Sổ chi tiết tài khoản là căn cứ để lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành, báo cáo chi phí sản xuất giá thành sản phẩm và các báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Tổ chức quá trình kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp bao gồm giá thực tế toàn bộ vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp từng công trình, hạng mục công trình. Nó không bao gồm giá trị vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội công trình. Chi phí vật liệu trực tiếp còn bao gồm cả các chi phí cốt pha, đà giáo, công cụ, dụng cụ được sử dụng nhiều lần.

Việc tập hợp chi phí sản xuất nguyên vật liệu trực tiếp vào đối tượng có thể tiến hành theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp được áp dụng cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất (từng phân xưởng, bộ phận, công trình, hạng mục công trình). Vật liệu sử dụng cho công trình nào thì phải tính trực tiếp cho công trình đó.

Phương pháp gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để phân bổ cho nhiều đối tượng cần phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý.

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

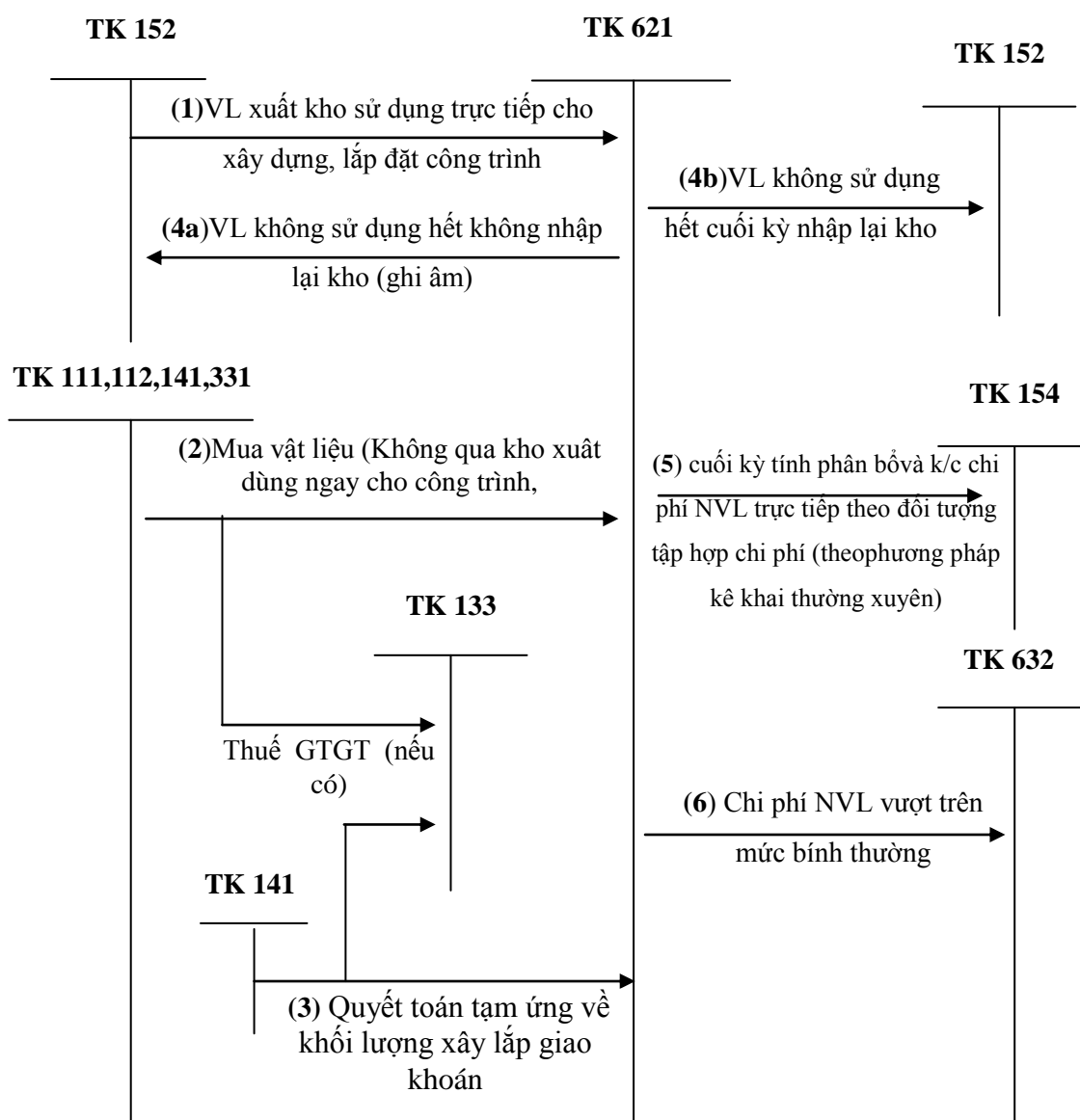
- Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.

- Trình tự kế toán:

Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp. Chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

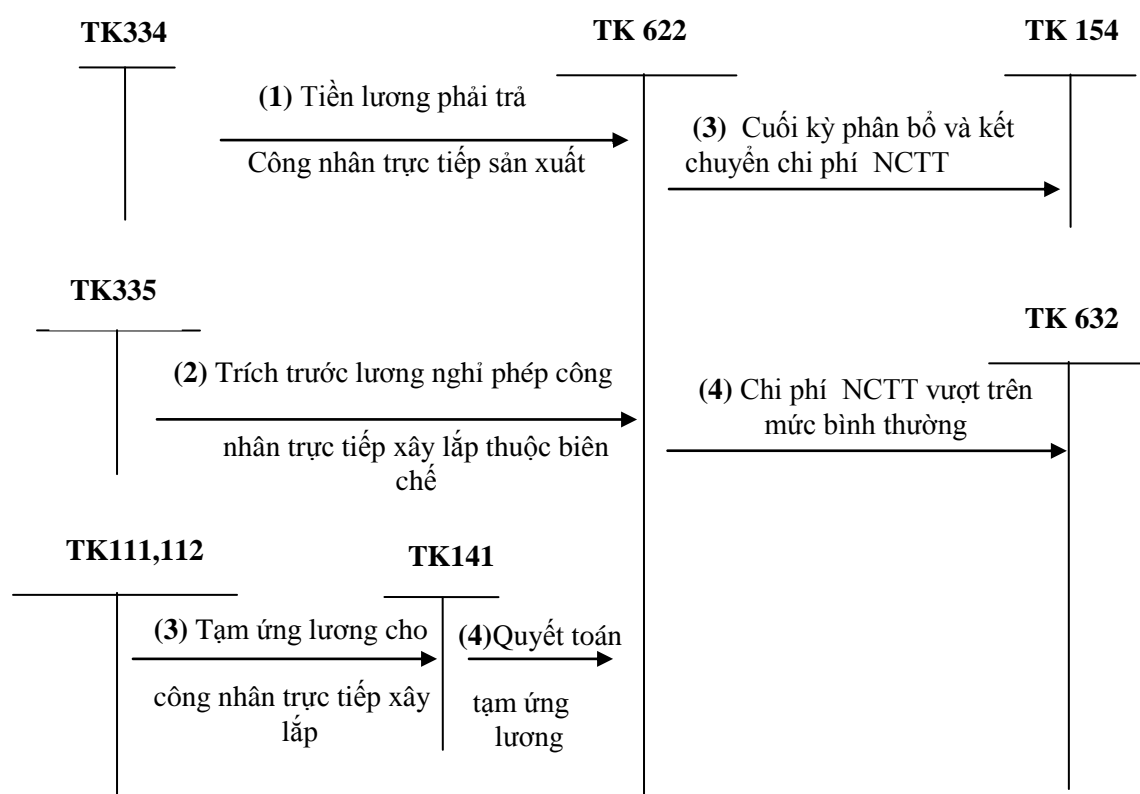
Trong khoản mục chi nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công nhân vận chuyển ngoài cự ly thi công, không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên quỹ lương công nhân trực tiếp sản xuất.

- Tài khoản sử dụng:

Phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán

Sơ đồ 1.3. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Máy móc thi công trong doanh nghiệp xây lắp là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như: máy trộn bê tông, trộn vữa, cần trục, cần cẩu, xúc đất, xan nền... Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về sử dụng máy để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí sửa

chữa lớn, sửa chữa nhỏ, động lực, tiền lương thợ điều khiển máy và các chi phí khác của đội máy thi công.

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, có thể tổ chức đội máy thi công chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho các đối tượng xây lắp hoặc thuê ngoài thi công.

- Tài khoản sử dụng:

Đề tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) của công nhân sử dụng máy thi công.

TK 623 có 6 TK cấp 2:

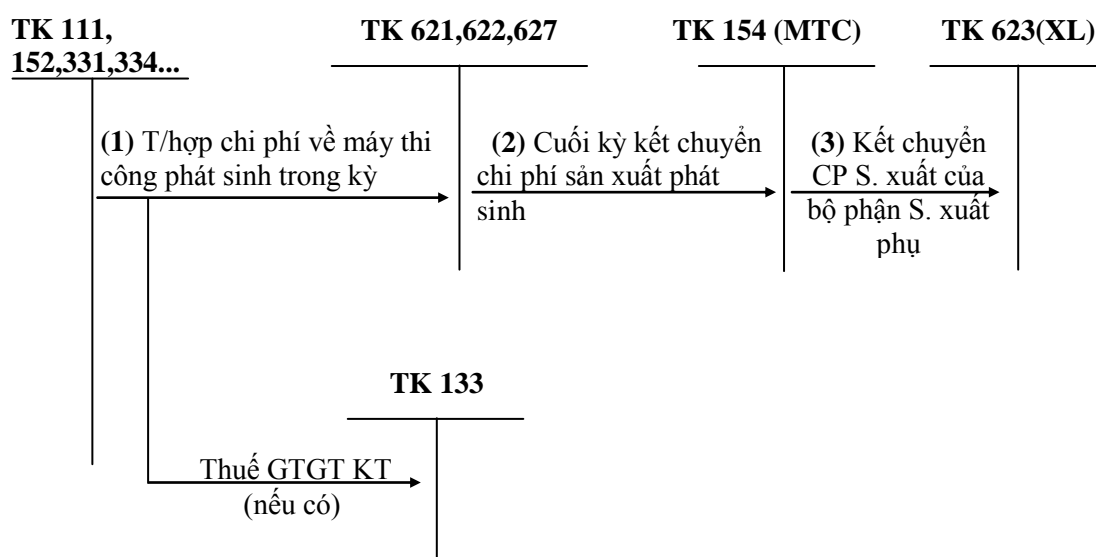
- TK 6231: “Chi phí nhân công”
- TK6232: “Chi phí vật liệu”
- TK 6233” Chi phí dụng cụ”
- TK 6234” Chi phí khấu hao máy thi công”
- TK 6237: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6238: “Chi phí bằng tiền khác”

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán:

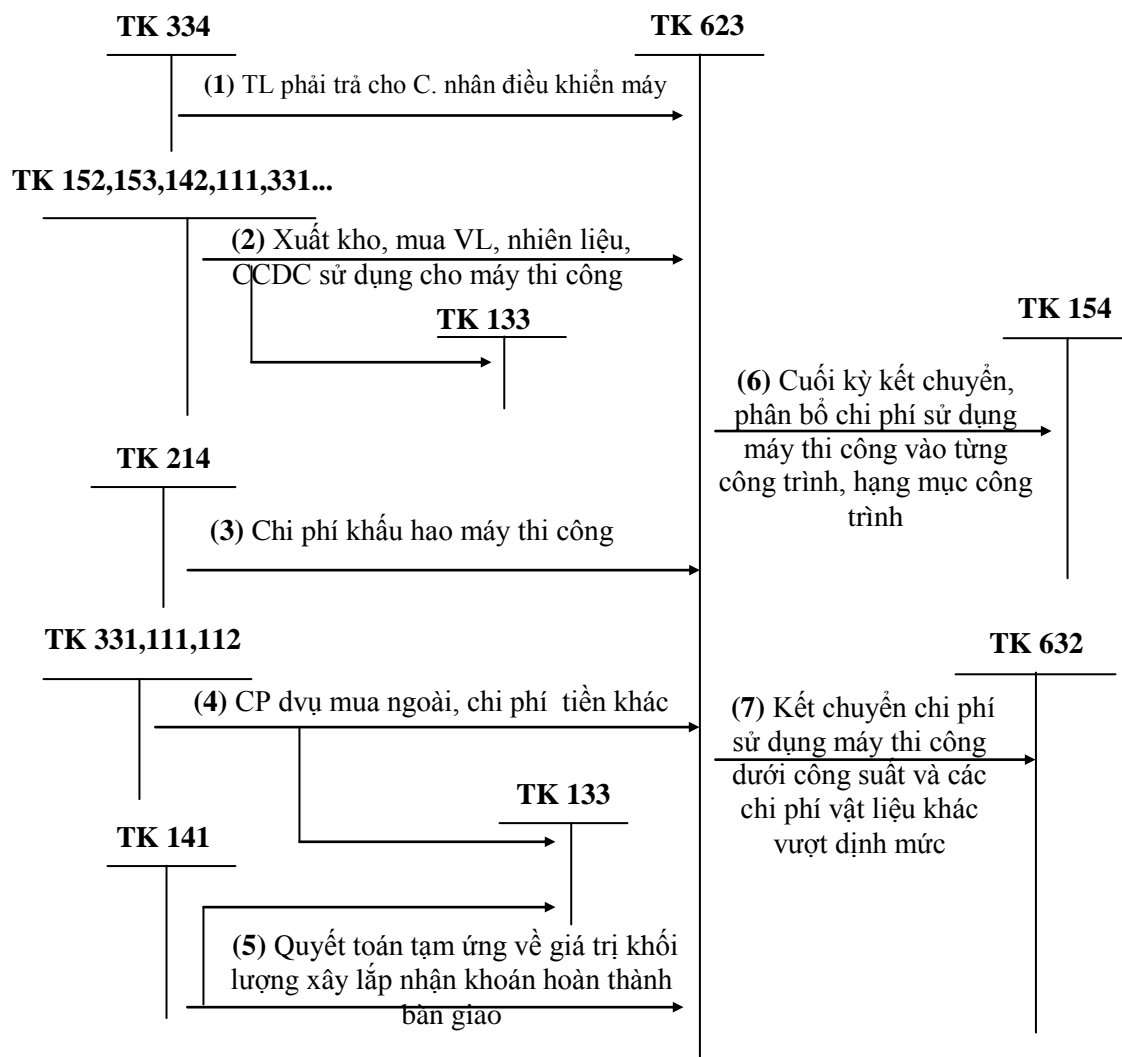
- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đội xây lắp.

**Sơ đồ 1.4. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp đội máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng)**



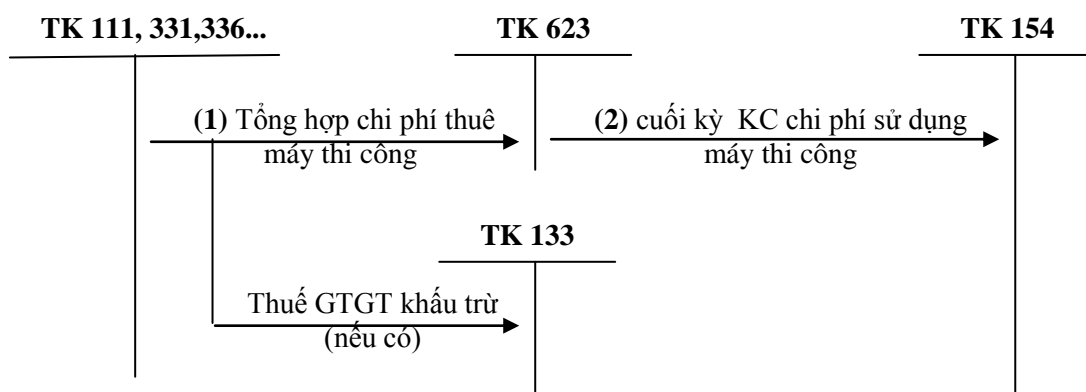
- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

Sơ đồ 1.5. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng)



- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công – thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công cho các đơn vị xây lắp) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

**Sơ đồ 1.6. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài máy thi công)**



1.3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí này bao gồm tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của đội xây lắp. Khi phát sinh chi phí này, kế toán sẽ hạch toán vào TK 627 – chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng theo phương pháp gián tiếp.

- Tài khoản sử dụng:

Phản ánh chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung.

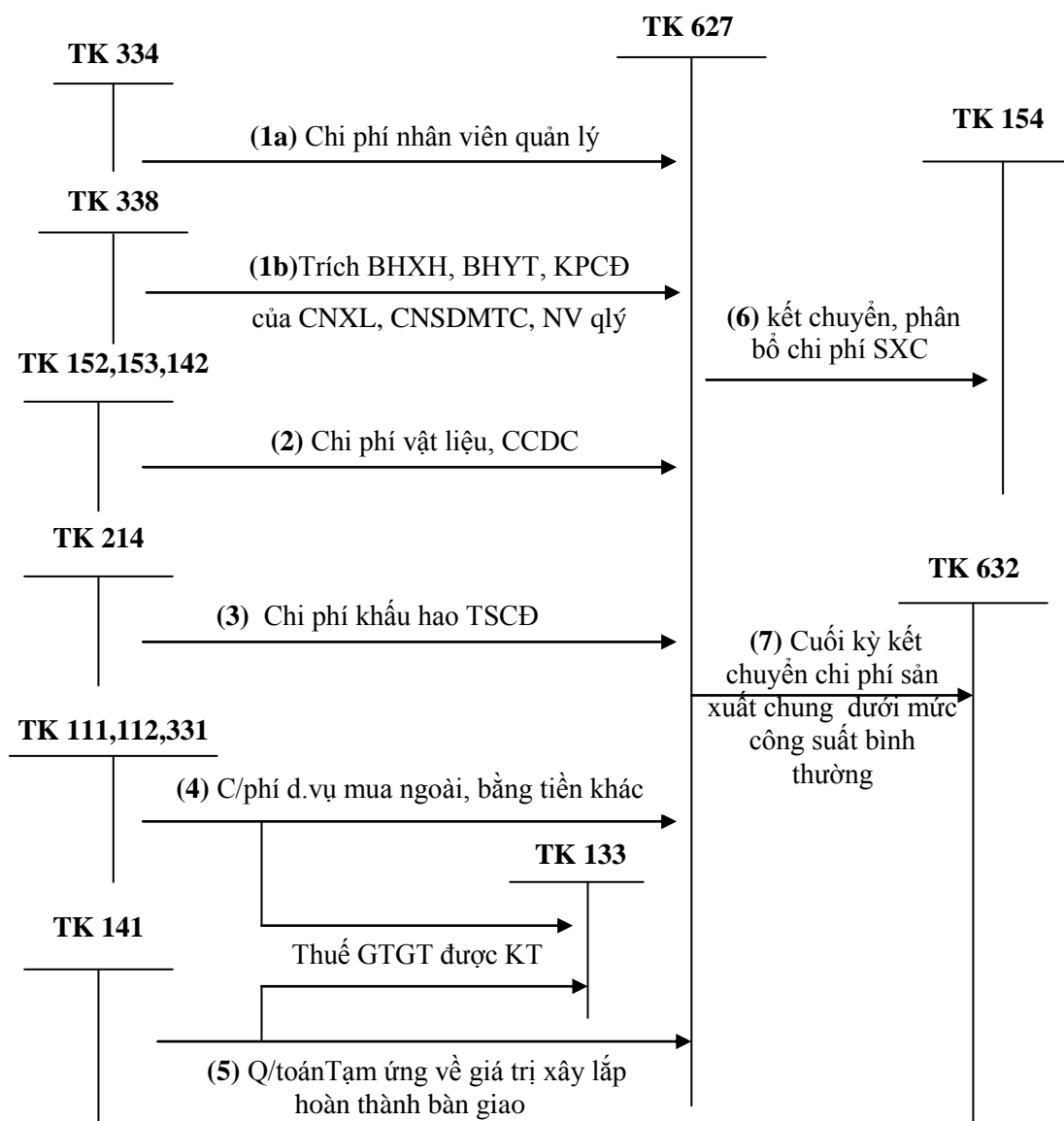
TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 6271: “Chi phí nhân viên Đội sản xuất”
- TK 6272: “Chi phí vật liệu”
- TK 6273: “Chi phí dụng cụ sản xuất”
- TK 6274: “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
- TK 6277: “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6278: “Chi phí bằng tiền khác”

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán:

Sơ đồ 1.7. Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung



1.3.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- Nội dung, phương pháp tập hợp:

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm những chi phí có liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được tập hợp vào bên nợ các TK 621, 622, 623, 627. Để tính được giá thành sản phẩm cho từng đối tượng, kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí đối với các chi phí đã tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng, còn đối với các chi phí không tập hợp trực tiếp theo

từng đối tượng kế toán phải tính phân bổ các chi phí này cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp.

** Phân bổ chi phí sản xuất chung:*

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng công trường hoặc đội thi công và tính phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo phương pháp thích hợp. Tiêu chuẩn để phân bổ chi phí sản xuất chung thường được sử dụng có thể là: phân bổ theo chi phí sản xuất định mức, phân bổ theo giờ công sản xuất kinh doanh định mức hoặc thực tế, phân bổ theo ca máy thi công, nhân công trực tiếp.

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} \times \text{Tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng}$$

Để tiến hành tính giá thành các chi phí được kết chuyển hoặc được phân bổ vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Giá thành công tác xây lắp trong kỳ được xác định theo công thức:

$$\text{Giá thành sản phẩm xây lắp} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}$$

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 có 4 tài khoản cấp 2:

TK 1541 – xây lắp

TK 1542 – sản phẩm khác

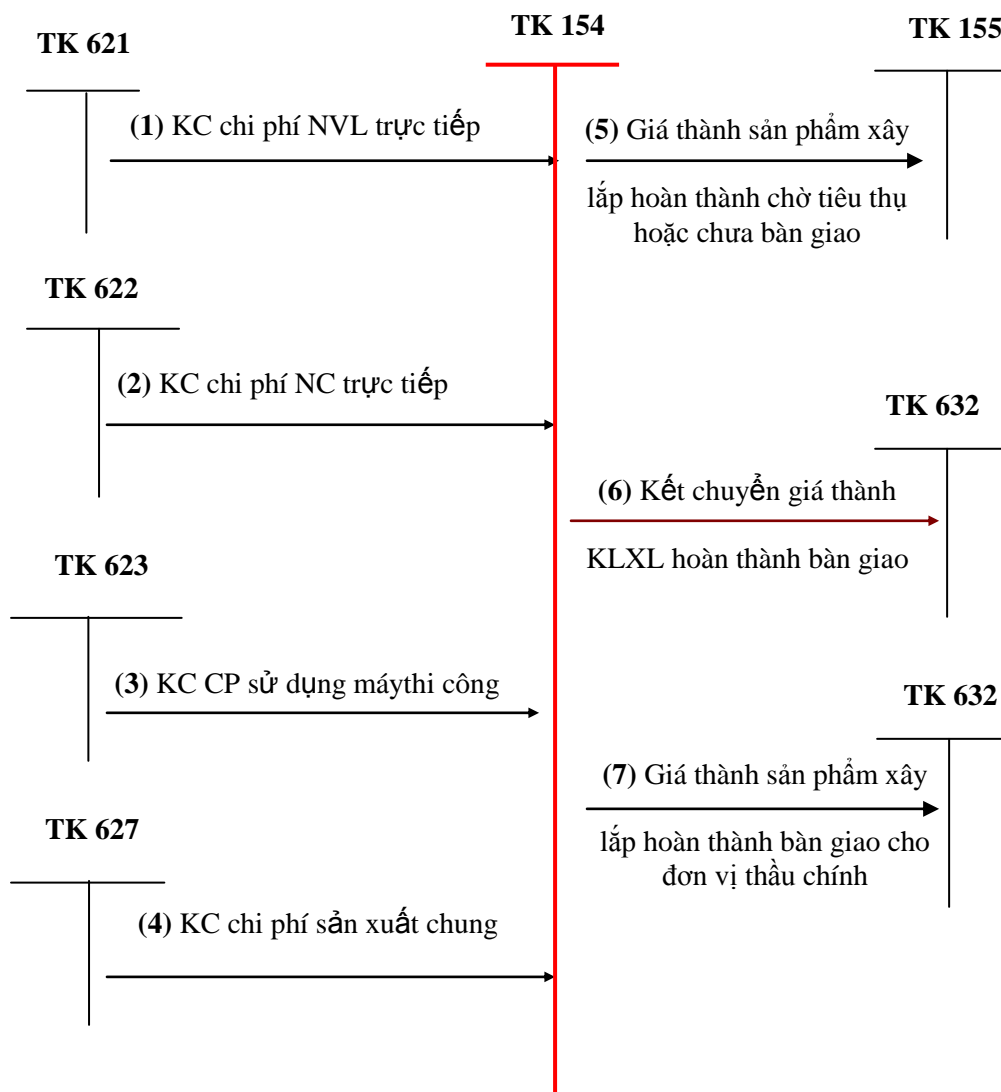
TK 1543 – dịch vụ

TK 1544 – chi phí bảo hành xây lắp

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trình tự kế toán:

**Sơ đồ 1.8. Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất
(theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



1.3.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm làm dở trong các doanh nghiệp xây dựng là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Muốn đánh giá sản phẩm làm dở một cách chính xác trước hết phải kiểm kê chính xác khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ, đồng thời phải xác định đúng mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định được khối lượng xây lắp dở dang, phát hiện những tổn thất trong quá trình thi công.

Chất lượng của công tác kiểm kê, khối lượng xây lắp dở dang có ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của việc đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành.

Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng một trong các phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở sau :

1.3.4.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp trong kỳ}}{\text{Khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}} \times \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyên theo dự toán}
 \end{array}$$

1.3.4.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ}}{\text{Khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{Khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ đã tính đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương}} \times \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyên theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

1.3.4.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán

	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ	x	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ
Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	=	+	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ	+	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành

Ngoài ra, đối với một số công việc như nâng cấp sửa chữa hoàn thiện hoặc xây dựng các công trình có giá trị nhỏ thời gian thi công ngắn theo hợp đồng bên chủ đầu tư thanh toán khi đã hoàn thành toàn bộ chi phí dở dang cuối kỳ chính là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh từ khi thi công tới thời điểm kiểm kê đánh giá.

1.3.5. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.5.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải được tính giá thành và giá thành đơn vị. Khác với hạch toán chi phí sản xuất, công việc tính giá thành là xác định giá thực tế từng loại sản phẩm và toàn bộ sản phẩm đã được hoàn thành. Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm, bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất thực tế của doanh nghiệp. Các loại sản phẩm và lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất, tính chất sản xuất, và sử dụng của chúng để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

Trong doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tính giá thành thường trùng hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đó có thể là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành

a/ Phương pháp tính giá thành thực tế

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp xây dựng. Vì sản phẩm xây lắp đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành, nếu sản phẩm dở dang không đáng kể thì chi phí sản xuất đã được tập hợp được trong kỳ cho mỗi đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$Z = Ddk + C - Dck$$

Trong đó:

- Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Ddk, Dck : Chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.
- C : Chi phí phát sinh trong kỳ.

Nếu các công trình, hạng mục công trình có thiết kế khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một đội công trình sản xuất đảm nhiệm và không có điều kiện theo dõi quản lý riêng việc sử dụng các chi phí khác nhau cho từng công trình, hạng mục công trình thì chi phí sản xuất đã tập hợp được trên toàn bộ công trình, hạng mục công trình đều phải được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình. Khi đó, giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình là:

Gdti xH

Trong đó: H : Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế.

$$H = \frac{\Sigma C}{\Sigma Gdt} \times 100\%$$

ΣC : Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

ΣGdt : Tổng dự toán của tất cả các công trình

Gdti : Giá trị dự toán của công trình thứ i

b/ Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu

kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí của khối lượng xây lắp dở dang.

c/ Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này thường được áp dụng với các công trình lớn, phức tạp, công trình phải qua nhiều giai đoạn thi công. Theo phương pháp này thì giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình được tính như sau :

$$Z = C_1 + C_2 + C_3 + \dots + C_n + D_{ĐK} - D_{CK}$$

Trong đó : Z : Giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình.

$C_1 + C_2 + C_3$: Chi phí xây lắp của các giai đoạn.

$D_{ĐK}, D_{CK}$: Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ, dở dang cuối kỳ.

d/ Phương pháp tính giá thành theo định mức

Đây là phương pháp giá thành dựa vào định mức tiêu hao về vật tư, lao động, các dự toán về chi phí phục vụ sản xuất, quản lý, khoản chênh lệch do những thay đổi định mức cũng như những chênh lệch trong quá trình so với định mức.

- Theo phương pháp này giá thành thực tế được xác định như sau :

Giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp	=	Giá thành định mức sản phẩm xây lắp	±	Chênh lệch thay đổi định mức	±	Chênh lệch do thoát ly định mức
--	---	---	---	---------------------------------	---	---------------------------------------

1.4. TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY

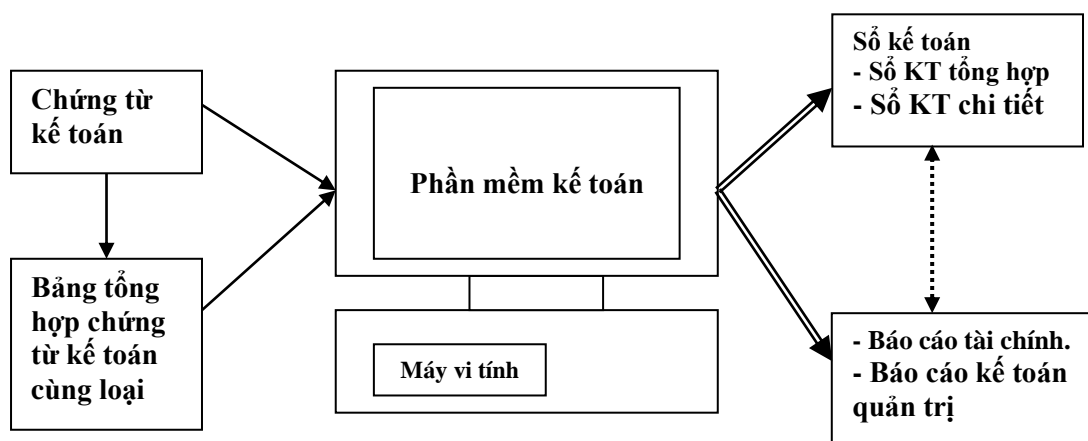
1.4.1. Đặc trưng cơ bản của hoạt động kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định là: hình thức kế toán nhật ký chung, nhật ký sổ cái, chứng từ ghi sổ và nhật ký chứng từ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính theo hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính



- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hàng ngày
 - ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ
 - <-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

(a) Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác

định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết lập sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, sau khi các thông tin được nhập vào phần mềm sẽ tự động chuyển vào Sổ nhật ký chung và các sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(b) Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào) kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các sổ liệu tổng hợp với sổ liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra với báo cáo tài chính sau khi đã được in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối kỳ sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý tương tự như quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Chương 2**THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT****2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty được thành lập với tên ban đầu là Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ thuật, đây là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 198 NN-TCCB/QĐ của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (Nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cấp ngày 24/03/1993.

Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật (tên giao dịch TEMATCO) được chuyển đổi từ Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ thuật theo quyết định số 4475/QĐ/BNN – TCCB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ thuật thành Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.

Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0103007794 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2005.

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật
- Tên giao dịch quốc tế: Technology Materials and Construction Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TEMATCO
- Địa chỉ: 534 Phố Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội
- Tel: 043 6330759 043 6330744
- Fax: 043 6330737
- Email: tematco@hn.vnn.vn
- Vốn điều lệ: 8.018.800.000 VNĐ
- Mã số thuế: 0100102291

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhận thầu thi công các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, nông thôn, công trình cấp thoát nước, xây dựng trạm bơm.

Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, thiết bị bảo vệ, báo động, hệ thống ống nước, điều hòa không khí, hệ thống hút bụi, thông gió, cứu hỏa, hệ thống thang máy, băng chuyền, tư vấn đầu tư xây lắp sản xuất kinh doanh chèo.

Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng sắt thép, các loại đường ống thép, buôn bán các thiết bị, phụ tùng chế biến chèo.

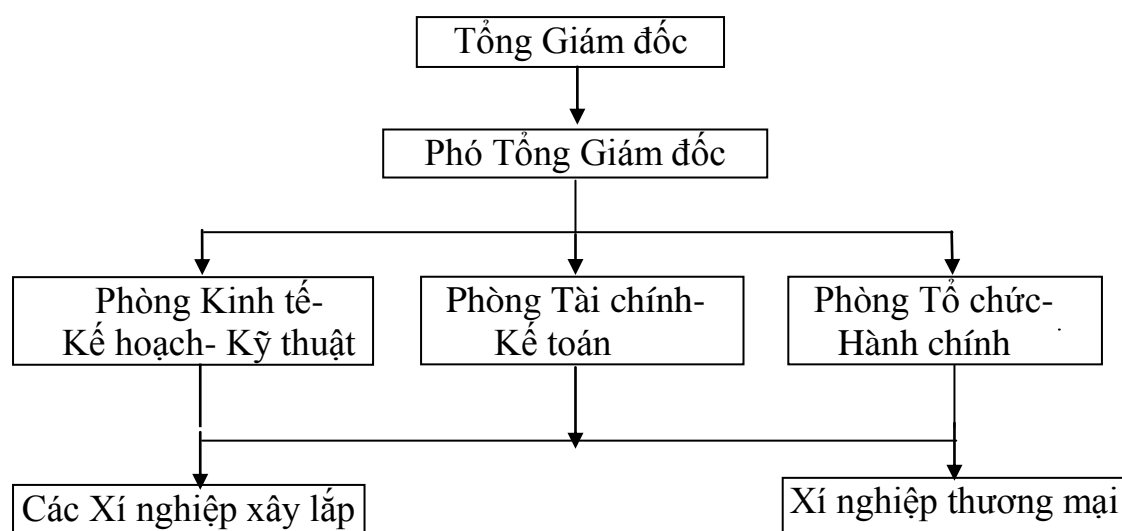
Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện đối với công trình dân dụng công nghiệp, thủy lợi và đường bộ. Phá dỡ, dọn dẹp và chuẩn bị mặt bằng.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật hoạt động trên tinh thần “Hiệu quả công việc” là chính. Bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, không công kênh, Cán bộ công nhân viên ít nhưng làm việc đạt hiệu quả cao.

Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty



Tổng Giám đốc:

Là người trực tiếp quản lý, chỉ đạo và tổ chức điều hành toàn bộ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu mọi trách nhiệm trước cấp trên, trước Cơ quan Nhà nước và toàn thể Cán bộ công nhân viên về xây dựng Công ty và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chế độ một thủ trưởng, có quyền quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý theo nguyên tắc đơn giản, gọn nhẹ, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Phó Tổng Giám đốc:

Dưới Tổng Giám đốc là Phó Tổng Giám đốc: Phó Tổng Giám đốc là người trực tiếp giúp việc, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty.

Theo từng lĩnh vực đã được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và Cán bộ công nhân viên về kết quả công tác trong lĩnh vực được phân công.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật.

- Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về công tác kỹ thuật thi công, chất lượng, tiến độ an toàn các công trình từ khâu khởi công đến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Lập hồ sơ đấu thầu, dự thầu xây lắp các công trình.

- Lập biện pháp tiến độ thi công, biện pháp an toàn lao động trước khi khởi công xây dựng công trình.

- Lập kế hoạch vật tư chi tiết cho từng công trình. Kiểm tra chất lượng vật tư.

- Giám sát nghiệm thu, lập hồ sơ tài liệu kỹ thuật, đầy đủ, kịp thời làm quyết toán công trình đảm bảo mọi yêu cầu về nguyên tắc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Phòng Tài chính- Kế toán.

- Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty về quản lý tài chính, tài sản Công ty đúng quy định trong pháp lệnh kế toán thống kê.

- Lập dự trù kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm theo quy định của Công ty.

- Lập báo cáo kế toán tài chính hàng tháng, năm theo quy định của Công ty

- Tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và hạch toán giá thành sản phẩm theo từng công trình theo đúng các quy định tiến hành.

- Có trách nhiệm xây dựng trình đăng ký kế hoạch tài chính hàng năm.

- Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê, chế độ kế toán và báo cáo tài chính hiện hành đối với Công ty.

Phòng Tổ chức-Hành chính.

- Tổ chức nhân sự trong Công ty đáp ứng nhu cầu công việc quản lý chặt chẽ nhân sự Công ty, cung cấp nhân sự cho Công ty đảm bảo các nguyên tắc quản lý lao động.

- Lập kế hoạch chi tiêu hành chính cho Xí nghiệp.

- Tổ chức chăm lo đời sống của Cán bộ công nhân viên trong Công ty.

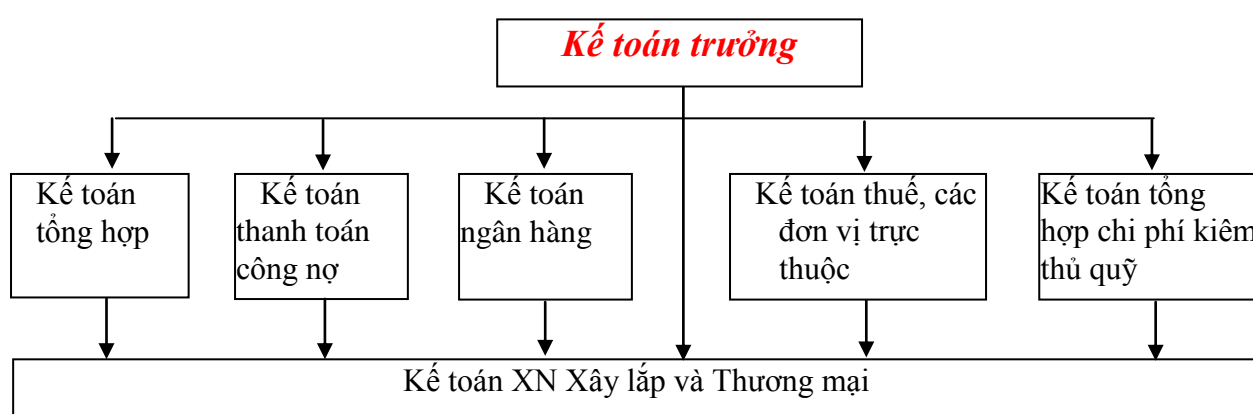
Các Xí nghiệp xây lắp và thương mại.

- Tổ chức tìm hiểu, khai thác, mở rộng thị trường nhằm mục đích ký được nhiều hợp đồng xây lắp cho Công ty, trực tiếp thi công những công trình đã ký, bên cạnh đó còn thi công một số công trình do Công ty điều chuyển xuống với mức khoán hợp lý và làm đủ các thủ tục giấy tờ theo quy định của Công ty.

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



a/ Trưởng phòng Tài chính-Kế toán: Chỉ đạo công tác của phòng Tài chính-Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về tất cả các số liệu báo cáo kế toán tài chính của Công ty, kiểm tra hoạt động của các nhân viên kế toán kịp thời, đảm bảo cuối kỳ hạch toán phải có báo cáo kế toán trình lên lãnh đạo cũng như các cấp, các ngành có liên quan. Tham mưu cho Giám đốc trong việc sử dụng đồng vốn sao cho hiệu quả nhất.

b/ Kế toán tổng hợp.

- Thực hiện phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức lưu trữ tài liệu kế toán.

- Vào số liệu trên máy vi tính.

- Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành.

c/ Kế toán thanh toán và công nợ.

- Theo dõi công tác thanh toán các khoản phải thu, các khoản phải trả cho từng đối tượng, việc nhập - xuất, tồn quỹ tiền mặt.

- Giám đốc tình hình sử dụng vốn, tình hình thi hành chế độ thanh toán.

- Nhập số liệu vào máy vi tính.

d/ Kế toán Ngân hàng và tài sản cố định.

- Theo dõi cơ cấu vốn về TSCĐ, hiệu quả kinh tế của TSCĐ, từng bước hoàn thiện cơ cấu và nâng cao hiệu quả của vốn cố định, theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ.

- Nhập số liệu vào máy vi tính.

- Theo dõi tình hình rút tiền và gửi tiền vào Ngân hàng.

- Thực hiện các nghiệp vụ vay ngắn hạn và vay dài hạn Ngân hàng.

e/ Kế toán thuế, các đơn vị trực thuộc.

- Tiến hành kiểm tra chứng từ do các đơn vị trực thuộc gửi lên.

- Nhập số liệu vào máy vi tính.

- Cung cấp số liệu cho kế toán trưởng để tổng hợp.

f/ Kế toán tổng hợp chi phí kiêm thủ quỹ.

- Theo dõi việc ghi chép ban đầu và tập hợp chi phí sản xuất, cách phân bổ chi phí cơ bản và chi phí không cơ bản nhằm đảm bảo xác định chính xác giá thành công trình, nâng cao chất lượng công tác hạch toán giá thành công trình.

- Quản lý các loại tiền hiện có tại Công ty. Thực hiện việc nhập - xuất tiền khi có lệnh của Tổng Giám đốc thông qua các phiếu thu - chi.

- Lập bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương.

g/ Kế toán các Xí nghiệp xây lắp và thương mại.

- Có trách nhiệm theo dõi tất cả các khoản thu chi, công nợ... từ các đối tượng với Xí nghiệp mình.

- Khi phát sinh các khoản vay của Công ty và khi có khối lượng xây lắp hoàn thành thì phải tiến hành hoàn chi phí, báo cáo giá thành... Kế toán xí nghiệp sử dụng phương pháp ghi tay để lập các bảng kê chi phí.

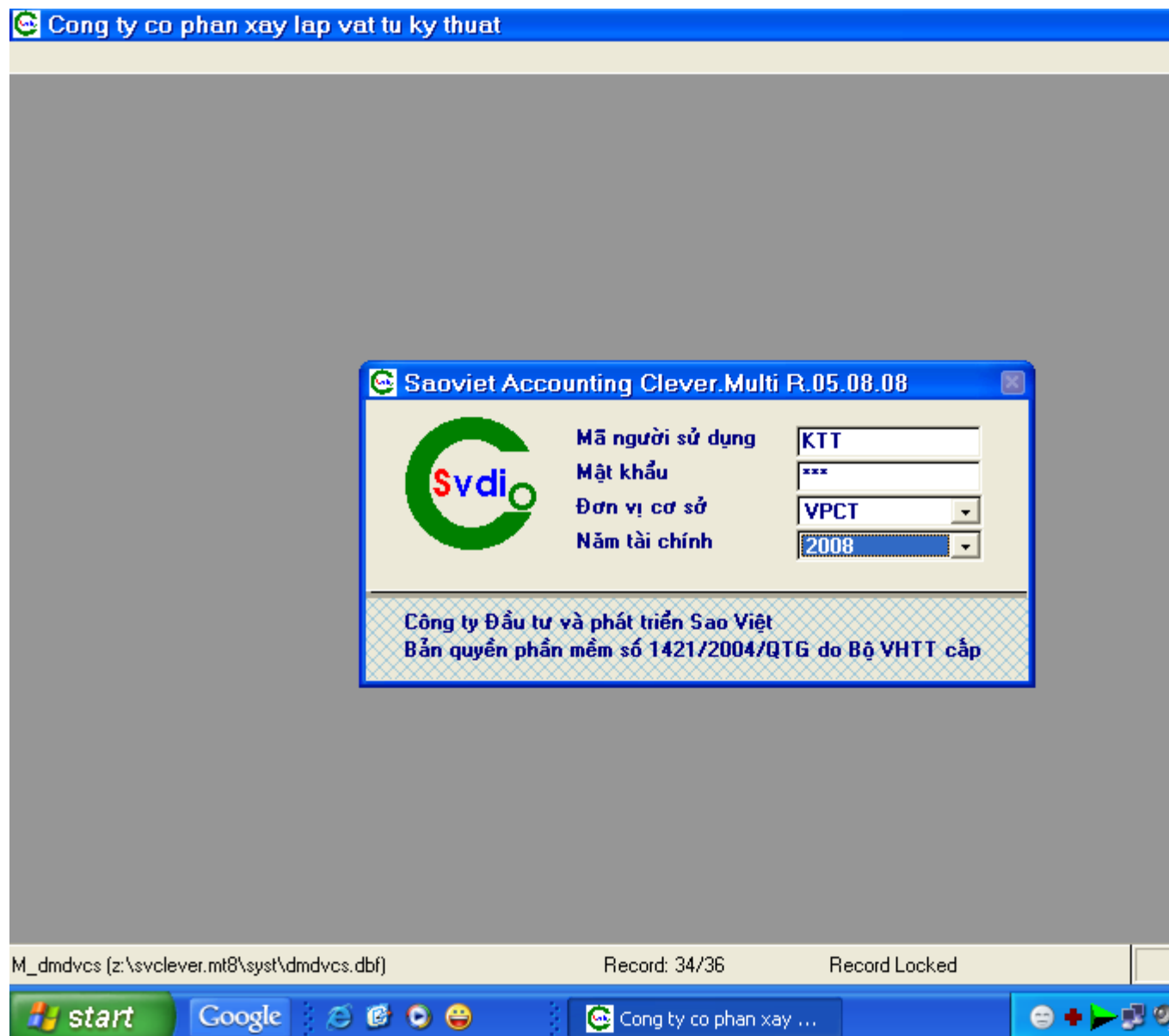
2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

Những thành tựu vượt bậc của khoa học kỹ thuật ngày nay là công cụ giúp đỡ đắc lực cho những nhà quản lý kinh tế. Hòa nhập với những thành tựu về công nghệ thông tin, công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật đã sớm đầu tư đưa phần mềm kế toán áp dụng cho công ty mình. Chương trình phần mềm kế toán công ty sử dụng là phần mềm kế toán SAO VIỆT. Phần mềm của công ty đơn giản, dễ sử dụng và rất hiệu quả.

Đối với phần hành tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, chứng từ làm căn cứ để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán máy là các bảng kê chi tiết do kế toán xí nghiệp gửi lên. Các kế toán xí nghiệp sử dụng hình thức ghi tay để ghi bảng kê chi tiết.

Căn cứ vào các bảng kê chi tiết do kế toán xí nghiệp gửi lên kế toán tổng hợp chi phí nhập dữ liệu vào máy tính.

Mô hình 1: Mô hình giao diện phần mềm kế toán Sao Việt công ty cổ phần
Xây lắp Vật tư Kỹ thuật sử dụng



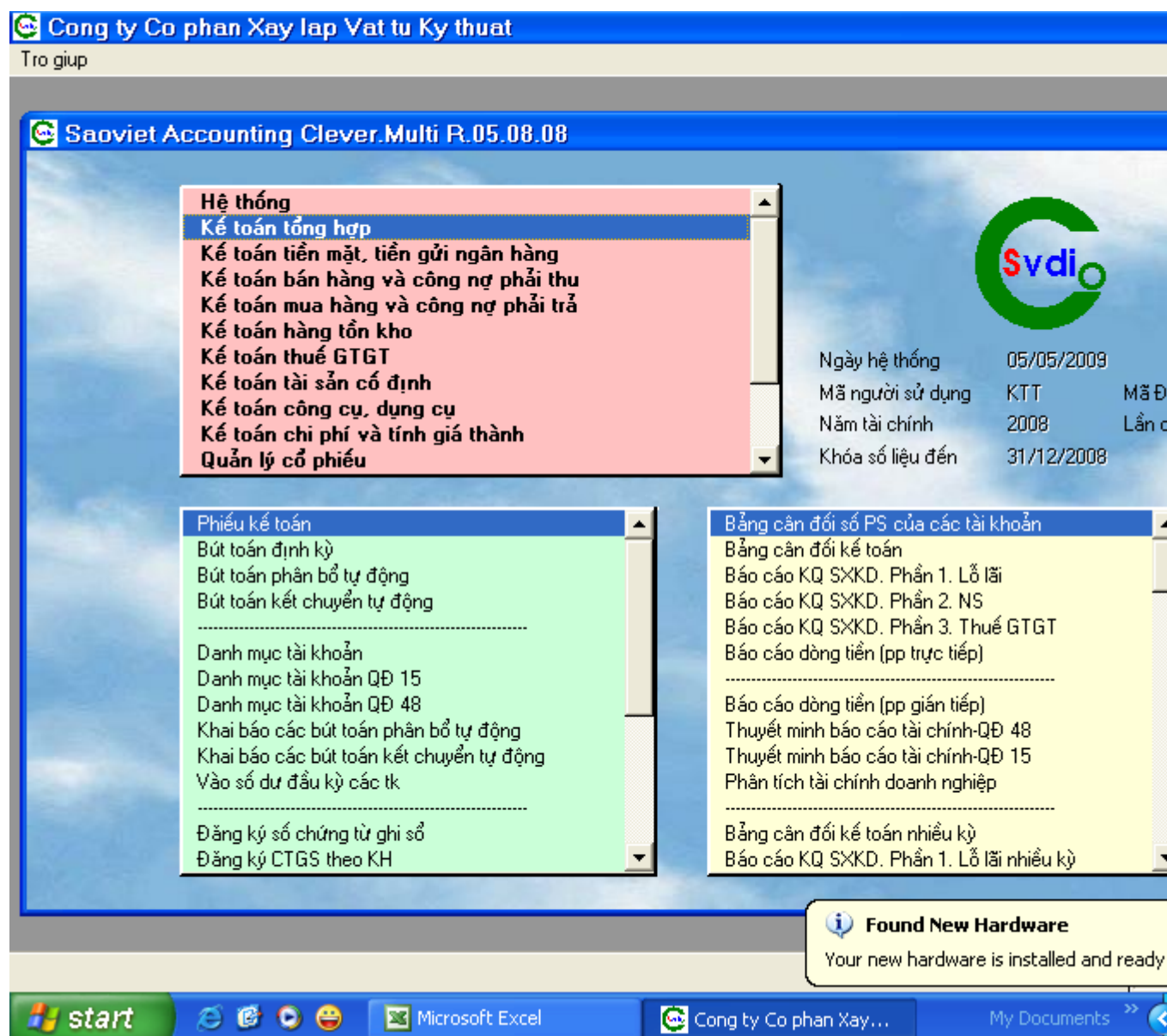
Các thao tác sử dụng như sau:

Bước 1: Khởi động phần mềm.

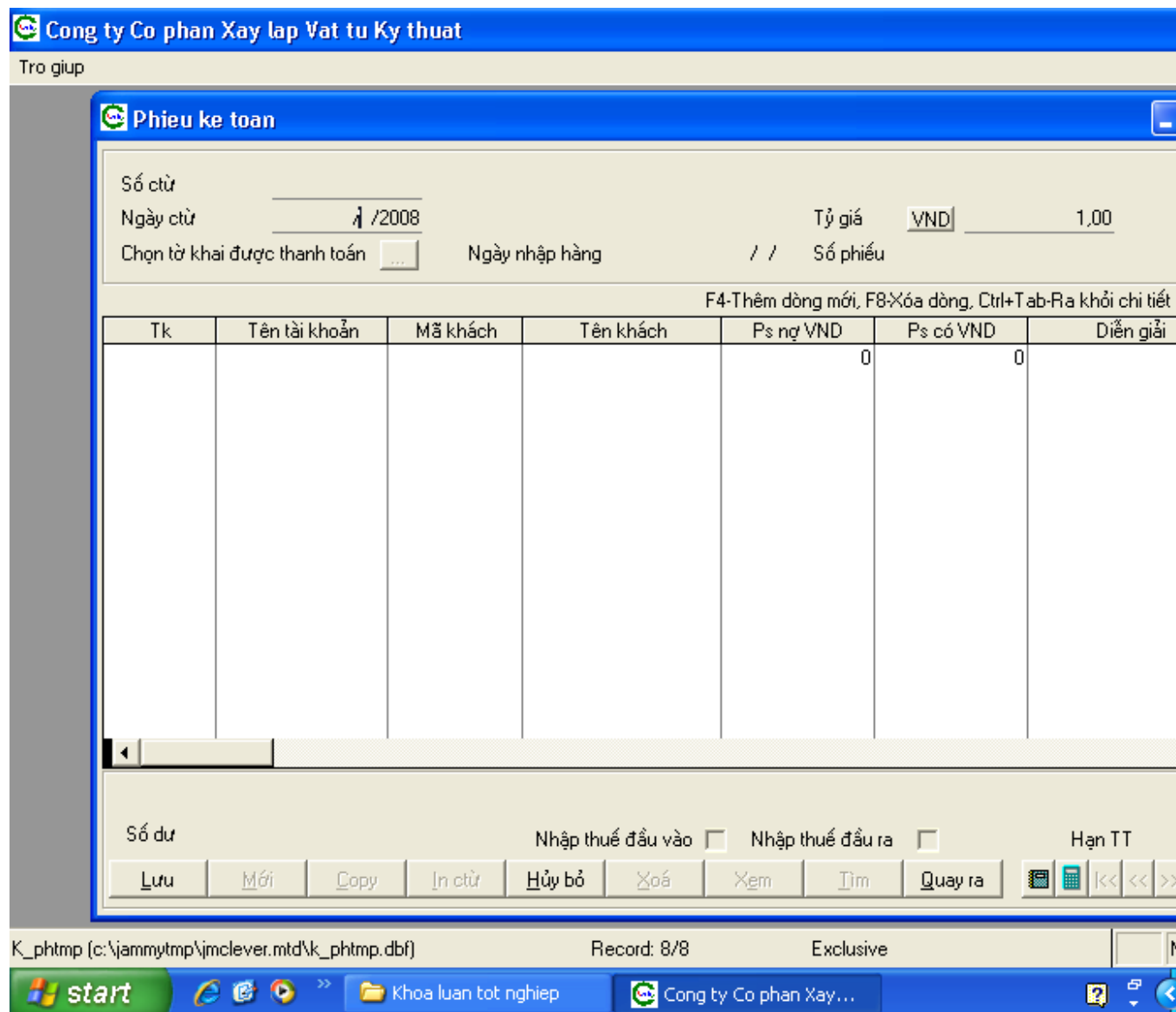
Bước 2: Nhập: Mã người sử dụng: KTT

Mật khẩu: KTT

Và ấn Enter màn hình vi tính sẽ hiện ra cửa sổ giao diện như mô hình 2.



Để nhập dữ liệu, ta nháy đúp vào “Phiếu kế toán” và nhấn vào “Mới” màn hình vi tính sẽ hiện ra cửa sổ giao diện như mô hình 3. Sau đó, tiến hành nhập dữ liệu vào.



Hàng ngày kế toán xí nghiệp căn cứ vào các chứng từ gốc để lập các bảng kê, bảng tổng hợp chứng từ cần thiết.

Định kỳ cuối tháng kế toán xí nghiệp gửi bảng kê cùng với các chứng từ gốc lên phòng kế toán công ty.

Kế toán công ty kiểm tra lại và tiến hành lập bảng phân bổ chi phí và lập sổ chi tiết cho từng công trình. Từ các bảng kê và bảng phân bổ, kế toán tiến hành nhập vào phần mềm kế toán liên quan. Sau khi nhập, số liệu sẽ tự động nhập vào các sổ sách liên quan. Các chứng từ liên quan đến tiền mặt, phải ghi vào quỹ, kiêm báo cáo quỹ, các chứng từ liên quan đến công nợ bắt buộc phải có sổ theo dõi chi tiết. Sau khi đã kiểm tra chi tiết từng mã sản phẩm, từng mã chi tiết công

nợ theo yêu cầu quản lý của giám đốc, kế toán tổng hợp đối chiếu sổ quỹ và các chứng từ chi tiết có liên quan đã phù hợp.

Cuối cùng là ra lệnh in các báo cáo sổ sách theo yêu cầu.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

2.2.1.1. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất tại công ty

Sản phẩm chính của công ty sản xuất là các công trình xây dựng. Công ty thường ký kết hợp đồng theo các công trình, do vậy đối tượng tập hợp chi phí thi công của công ty là theo công trình. Trong trường hợp công trình lớn hoặc bên chủ đầu tư yêu cầu thì công ty tổ chức kế toán chi phí theo hạng mục công trình. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất ở công ty là chi phí phát sinh tại công trình (hạng mục công trình) nào thì tập hợp cho công trình đó. Đối với chi phí phát sinh dùng cho nhiều công trình thì công ty tiến hành phân bổ theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

2.2.1.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất tại công ty

Xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp cũng như tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được xác định là từng công trình, hạng mục công trình.

Công ty phân loại chi phí theo khoản mục tính giá thành, bao gồm bốn khoản mục, đó là :

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí máy thi công
- Chi phí sản xuất chung.

2.2.1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại công ty

Ở công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp của công ty là phương pháp trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp đối với chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng chi phí. Kế toán sử dụng tài khoản 621, 622, 623, 627.

- TK 621: Phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, công trình, hạng mục công trình.

- TK 622: Phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả, phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- TK 623: Phản ánh chi phí thuê máy móc thi công bên ngoài, thi công công trình nào tính cho công trình đó.

- TK 627: Phản ánh những chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình sản xuất chi phí sản xuất chính ở Công ty bao gồm :

- Tiền lương của các bộ phận quản lý thi công phân bổ các công trình và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ cho công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên quản lý.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định.

- Chi phí phân bổ CCDC đã được hạch toán vào TK 1421.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- Các chi phí bằng tiền khác.

Hiện tại chi phí chung của Công ty được theo dõi và tập hợp như sau:

+ Theo dõi chi tiết cho từng đối tượng công trình.

+ Tổng hợp lại sau đó phân bổ cho từng công trình.

Ngoài ra công ty còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan đến việc tập hợp chi phí sản xuất như TK 141, 136, 336...

Trên thực tế, Công ty thực hiện hạch toán kế toán khoán gọn công trình, hạng mục công trình cho xí nghiệp. Khi nhận được hợp đồng thi công cùng với bản dự toán chi phí công trình, hạng mục công trình, công ty giao khoán cho xí nghiệp theo định mức sau:

- Khoản gọn cho xí nghiệp: 86% tổng giá trị quyết toán công trình.
- Nộp cho công ty: 14%

Phần cơ chế nộp cho công ty là 14% trong đó có 10% là thuế nộp cho Nhà nước, còn 4% dùng để bù đắp chi phí của bộ máy quản lý công ty.

Công ty khoản gọn 86% tổng giá trị quyết toán công trình cho xí nghiệp thi công công trình. Xí nghiệp phải đảm bảo thi công công trình theo đúng bản thiết kế và phải đảm bảo chất lượng công trình. Các khoản mục chi phí của công trình do xí nghiệp tính toán và thi công, công ty chỉ hạch toán các khoản mục chi phí đó dựa trên các bảng kê chi tiết và các chứng từ gốc mà xí nghiệp chuyển lên. Khi công trình hoàn thành thì đại diện của xí nghiệp, đại diện của công ty cùng đại diện của chủ đầu tư công trình xác định khối lượng xây lắp hoàn thành, đánh giá chất lượng công trình theo đúng nội dung trong hợp đồng đã ký kết. Nếu không còn gì vướng mắc thì công ty tiến hành bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

Nếu tổng chi phí sản xuất của công trình đúng bằng 86% tổng giá quyết toán thì xí nghiệp hoà vốn.

Nếu tổng chi phí sản xuất của công trình nhỏ hơn 86% tổng giá quyết toán thì xí nghiệp kinh doanh lãi, khoản lãi của xí nghiệp chính là khoản chênh lệch giữa chi phí sản xuất thực tế phát sinh với 86% tổng giá quyết toán và đối với khoản lãi này xí nghiệp phải nộp thuế TNDN 28% của khoản chênh lệch đó.

Nếu tổng chi phí sản xuất của công trình lớn hơn 86% tổng giá quyết toán thì xí nghiệp kinh doanh lỗ, khoản lỗ của xí nghiệp chính là khoản chênh lệch giữa chi phí sản xuất thực tế phát sinh với 86% tổng giá quyết toán và trên công ty không có chính sách bù đắp khoản lỗ này cho xí nghiệp.

2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành tại công ty

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành.

2.2.2.2. Kỳ tính giá thành

Công ty xác định kỳ tính giá thành theo thời gian hoàn thành công trình với các công trình nhỏ, thời gian thi công không quá một năm, còn đối với các công trình lớn, thời gian thi công kéo dài từ năm này qua năm khác, thì kỳ tính giá thành xác định là theo năm, xác định giá thành cho khối lượng công việc hoàn thành ở điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành tại công ty

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành thực tế có nghĩa là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình sẽ là tổng chi phí phát sinh được tập hợp kể từ khi khởi công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư của công trình đó.

Do sản phẩm của công ty là xây lắp các công trình, hạng mục công trình đòi hỏi chất lượng, kỹ thuật thi công công trình cao nên việc đánh giá khối lượng công việc hoàn thành được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ gồm các bước sau:

Bước 1: Nghiệm thu nội bộ

Ban kỹ thuật công trình, đội xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công xây dựng cho công nhân đồng thời làm căn cứ để báo cáo nghiệm thu bước 2.

Bước 2: Nghiệm thu cơ sở

Thường do cán bộ của ban quản lý dự án (chủ đầu tư) cùng với công ty thực hiện. Số liệu này dùng làm căn cứ để lập báo cáo.

Bước 3: Nghiệm thu thanh toán

Nghiệm thu thanh toán thường được nghiệm thu theo hạng mục hoàn thành. Thành phần tham gia gồm các giám sát kỹ thuật của ban quản lý dự án, cán bộ giám sát thiết kế và công ty. Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này công ty lập hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

Bước 4: Nghiệm thu công trình hoàn thành

Thường được thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia như bước 3, ngoài ra còn mời một số cơ quan cấp trên và một số cơ quan liên quan. Đại diện bên A (chủ đầu tư) cùng bên B (đơn vị thi

công) tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

2.2.3. Công tác kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.

Vì tại Công ty áp dụng chế độ giao khoán xuống xí nghiệp, nên Giám đốc xí nghiệp xây lắp chịu trách nhiệm tạm ứng tiền đầu tư công trình và tổ chức mọi hoạt động thi công tại công trình. Công ty sử dụng tài khoản 141 - mở chi tiết cho từng công trình để phản ánh quan hệ nội bộ giữa công ty và đội thi công.

Các đơn vị cá nhân khi có nhu cầu tạm ứng đều viết giấy xin tạm ứng đề nghị Giám đốc duyệt. Khi xin tạm ứng phải ghi rõ ràng, đầy đủ nội dung cần tạm ứng, thanh toán kịp thời và đầy đủ các chứng từ, hoá đơn hợp lệ và làm căn cứ để kế toán ghi Nợ TK 141 - mở chi tiết cho từng công trình.

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là : Các công trình và hạng mục công trình được thi công tại nhiều địa điểm cách xa nhau, vì vậy các đơn vị không cần thiết phải mua nguyên vật liệu về dự trữ mà khi có nhu cầu thì chủ nhiệm công trình sẽ mua nguyên vật liệu và đưa thẳng tới công trình không cần qua kho (thực hiện theo cơ chế khoán của Công ty). Điều này sẽ đảm bảo cho chất lượng nguyên vật liệu cũng như giảm bớt được chi phí bảo quản v.v... Do vậy kế toán công ty không hạch toán vật liệu trực tiếp qua tài khoản 152,153... mà hạch toán trực tiếp vào tài khoản 621, 627.

Trong khuôn khổ bài khoá luận, em xin lấy dẫn chứng minh hoạ về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật đối với công trình Nạo vét sông Sò từ K8+680 đến K11+192 (Gói 7) thuộc tiểu dự án Nâng cấp hệ thống thuỷ lợi Sông Sò - tỉnh Nam Định.

Công trình này được ký kết giữa công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật (bên nhận thầu) với Ban quản lý dự án xây dựng NN & PTNT Nam Định (bên giao thầu) ngày 20 tháng 02 năm 2008, theo hợp đồng số 07/2008/HĐ-XD, công trình bắt đầu thi công từ ngày 25/02/2008 bàn giao ngày 02/08/2008. Giá trị hợp đồng là 2.781.331.000 đồng. Sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, bên A sẽ thanh toán cho bên B 95% giá trị quyết toán được duyệt. Bên A

giữ lại 5% giá trị quyết toán tiền bảo hành công trình. Công trình bảo hành 12 tháng. Bên B được hoàn tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận hoàn thành công việc bảo hành.

Sau khi hợp đồng kinh tế được ký kết, công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật khoán gọn công trình cho xí nghiệp xây lắp 2 thi công. Theo quy định của công ty khi nhận được hợp đồng thi công công trình thì công ty giữ lại 14% tổng giá quyết toán, còn khoán gọn 86% tổng giá quyết toán cho xí nghiệp xây lắp 2 thi công công trình.

Theo hợp đồng khoán gọn công trình, xí nghiệp xây lắp 2 phải đảm bảo thi công công trình theo đúng bản thiết kế và phải đảm bảo chất lượng công trình.

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp của công ty bao gồm nhiều chủng loại. Khi có công trình thì dựa vào các tài liệu dự toán của công trình, các định mức kinh tế, kỹ thuật mà xác định nhu cầu vật liệu cần thiết. Bởi vậy, vật liệu ở công ty thường được mua ngoài và xuất thẳng đến công trình.

Tuỳ theo từng công trình, các xí nghiệp thi công được giao khoán việc mua nguyên vật liệu trên cơ sở phòng kế hoạch giao. Phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán của các công trình, căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư, quy trình, quy phạm về thiết kế kỹ thuật, công nghệ thi công cũng như nhiều yếu tố liên quan khác mà kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng vật liệu để giao khoán cho đơn vị thi công thực hiện.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) theo giá trị thực tế của từng loại nguyên vật liệu ghi trên hoá đơn (giá không tính thuế).

Tài khoản sử dụng: TK 621, các tài khoản liên quan như TK 141,...

Chứng từ sử dụng: hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, hợp đồng kinh tế,...

Sổ sách kế toán sử dụng: sổ cái TK 621, sổ chi tiết TK 621.

Ví dụ: Quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được diễn ra như sau:

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu, chủ nhiệm công trình viết giấy đề nghị tạm ứng để mua nguyên vật liệu. Khi mua nguyên vật liệu về có hóa đơn, chi phí

nguyên vật liệu xuất dùng sẽ được tập hợp vào bảng kê chi phí vật tư đầu tư công trình cùng với các chứng từ gốc để gửi lên phòng kế toán của công ty vào cuối tháng. Do nguyên vật liệu mua về sử dụng ngay không qua kho nên chứng từ ban đầu để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không phải là các phiếu xuất kho mà là các hoá đơn GTGT, các hoá đơn bán hàng (liên giao cho khách hàng), các hợp đồng kinh tế...Kèm theo các chứng từ chứng minh cho các hoá đơn đó như phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, tiền cước phí vận chuyển, cùng các giấy tờ liên quan khác.

Biểu 2.1:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

Địa chỉ: 534 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 05 tháng 06 năm 2008

Kính gửi: Ông Tổng giám đốc công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật
 Tên tôi là: **Trần Xuân Thắng** Chức vụ: Giám đốc XNXL 2
 Đề nghị được tạm ứng số tiền: 28.000.000 đồng.
(Bằng chữ: Hai mươi tám triệu đồng chẵn)
 Tên công trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7
 Lý do tạm ứng: Đầu tư công trình
 Trong đó: 1, Nhân công: 16.500.000 đồng.
 2, Vật tư: 1.500.000 đồng.
 3, Chi phí khác: 10.000.000 đồng.
 Thời hạn thanh toán: Quyết toán công trình.

Người xin tạm ứng
(Ký, họ tên)

THẨM ĐỊNH

Kế toán trưởng

Phòng KT – KH – KT

.....

.....

Ngày 05 tháng 06 năm 2008

Tổng giám đốc

Tiền tạm ứng được chi trả chi phí vật tư, nhân công, chi phí khác phục vụ cho công trình.

Vật tư mua về được sử dụng ngay cho công trình.

Biểu 2.2:

**HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG
THÔNG THƯỜNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Mẫu số: 02 GTTT-3LL

DB/2008B

0036979

Ngày 08 tháng 6 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Mai Văn Hương.....

Địa chỉ: Xuân Bắc – Xuân Trường – Nam Định.....

Số tài khoản:

Điện thoại: MS:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Trần Xuân Thắng.....

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.....

Địa chỉ: 534 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội.....

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM..... MS:

0	1	0	0	1	0	2	2	9	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cọc tre	m	400	3.000	1.200.000
2	Phên nửa	m ²	60	4.000	240.000

Cộng tiền hàng:

1.440.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập giao, nhận hoá đơn)

Trên cơ sở các chứng từ gốc là các hoá đơn mua hàng, kế toán xí nghiệp lập “Bảng kê chứng từ vật tư đầu tư công trình”.

Biểu 2.3:

Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2

Mẫu:03/BKVT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ VẬT TƯ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
TÊN CÔNG TRÌNH: NẠO VẾT SÔNG SÒ TỪ K8+680 ĐẾN K11+192
Địa điểm thi công: Giao Thủy - Nam Định

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Tên - địa chỉ	Chủng loại vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Giá mua chưa thuế	VAT đầu vào	Giá thanh toán
Số	Ngày								
36979	24/06/08	Mai Văn Hường. Địa chỉ: Xuân Bắc - Xuân Trường - Nam Định	Cọc tre	m	400	3.000	1.200.000		1.200.000
			Phên nứa	m ²	60	4.000	240.000		240.000
		Cộng					1.440.000		1.440.000

Hà Nội, ngày 30 thán g06 năm 2008

Giá đề nghị thanh toán kỳ này: 1.440.000 đồng

(Số tiền bằng chữ: Một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

Giải trình: (Nếu có)

Phân Công ty duyệt:

KẾ TOÁN GIÁ THÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÒNG KT-KH-KT

CHỦ NHIỆM CT

Sau mỗi giai đoạn thi công, số liệu của Bảng kê chứng từ vật tư đầu tư công trình được tổng hợp lại theo từng chủng loại vật tư về số lượng và giá trị (chưa có thuế GTGT) để ghi vào Bảng tổng hợp vật tư đầu tư công trình theo mẫu sau:

Biểu 2.4:

Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu:03/BTHVT
 XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
TÊN CÔNG TRÌNH: NẠO VẾT SÔNG SÒ TỪ K8+680 ĐẾN K11+192
Địa điểm thi công: Giao Thủy - Nam Định
Thời điểm thi công: Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

TT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cọc tre	m	400	3.000	1.200.000	
2	Phên nứa	m ²	60	4.000	240.000	
	Cộng				1.440.000	

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2008

Giá đề nghị thanh toán kỳ này: 1.440.000 đồng

(Số tiền bằng chữ: Một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

Giải trình: (Nếu có)

Phần Công ty duyệt:

KẾ TOÁN GIÁ THÀNH KẾ TOÁN TRƯỞNG PHÒNG KT-KH-KT CHỦ NHIỆM CT

Bảng tổng hợp vật tư đầu tư công trình sẽ giúp phòng kế toán kết hợp với phòng kế hoạch để đối chiếu với khối lượng dự toán và từ đó có biện pháp chỉ đạo trong trường hợp cần thiết.

Sau khi lập bảng kê chứng từ vật tư đầu tư công trình, kế toán xí nghiệp gửi lên phòng kế toán công ty cùng các chứng từ gốc. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chứng từ này rồi căn cứ vào bảng tổng hợp vật tư đầu tư công trình, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán.

Từ màn hình giao diện 3 kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy. Sau đó, liệu được tự động chuyển đến Sổ nhật ký chung và Sổ chi tiết TK 621 công trình Nạo vét Sông Sò – Gói 7. Sau đó, số liệu từ Sổ nhật ký chung được chuyển đến Sổ cái TK 621.

Sau đây là trích dẫn những nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến công trình Nạo vét Sông Sò được phản ánh vào Sổ nhật ký chung.

Biểu 2.6:

CÔNG TY CP XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tên Công Trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

Số hiệu: TK 621

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT190	30/06	Hoàn ứng chi phí vật tư CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	1.440.000	
PKT196	30/06	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		1.440.000
		Cộng phát sinh		1.440.000	1.440.000
		Số dư cuối kỳ			

Số liệu từ Sổ chi tiết TK 621 sẽ được ghi vào Bảng tổng hợp chi phí (Biểu 2.29) để làm căn cứ tính giá thành công trình.

Biểu 2.7:

CÔNG TY CP XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: TK 621

Năm 2008

Chứng từ		Mã_vv	Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
PKT136	24/06/08	QL30	Hoàn ứng chi phí vật tư CT Quốc lộ 30	141	173.909.088	
PKT145	26/06/08	NKB36	Hoàn ứng chi phí vật tư CT Nhà khách B36 – QK2	141	254.756.940	
PKT190	30/06/08	SONGSO	Hoàn chi phí vật tư CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	1.440.000	
PKT193	30/06/08	QL30	Kết chuyển CPSXDD CT Quốc lộ 30	154		173.909.088
PKT194	30/06/08	NKB36	Kết chuyển CPSXDD CT Nhà khách B36 – QK2	154		254.756.940
PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		1.440.000
					
			Cộng phát sinh		38.652.576.049	38.652.576.049
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ cái TK 621 năm 2008)

2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Do đặc điểm hoạt động của công ty có nhiều công trình, thi công tại nhiều địa phương khác nhau trong cả nước vì vậy Công ty sử dụng nhân công trực tiếp là lao động thuê ngoài theo phương thức khoán sản phẩm, thuê tại chính địa phương nơi có công trình, hoặc ký các hợp đồng lao động ngắn hạn. Việc sử dụng lao động thuê ngoài trong cơ chế khoán hiện nay là hoàn toàn phù hợp giúp doanh nghiệp, giảm được chi phí trong trường hợp công trường không hoạt động liên tục.

Tài khoản sử dụng: TK 622, các tài khoản liên quan như TK 141,...

Chứng từ sử dụng: Hợp đồng thuê khoán nhân công

Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành

Ví dụ: Quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được diễn ra như sau:

Trước khi thi công công trình giám đốc xí nghiệp phải ký hợp đồng giao khoán với nhóm nhân công.

Biểu 2.8:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN NHÂN CÔNG
(SỐ 01/ HĐNC)

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11
- Căn cứ nhu cầu sử dụng nhân lực thi công tại công trình....
- Căn cứ năng lực của Tổ công nhân.

Hôm nay, ngày 24 tháng 02 năm 2008, tại trụ sở BCH công trường Nạo vét Sông Sò, chúng tôi gồm các bên như sau:

I.BÊN GIAO KHOÁN: XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2

- Đại diện Ông: **Trần Xuân Thắng** Chức vụ: Giám đốc XNXL 2
- Điện thoại: 0904031801

II.BÊN NHẬN KHOÁN: TỔ NHÂN CÔNG CÓ DANH SÁCH KÈM THEO

- Đại diện Ông: **Tống Đức Nam** Chức vụ: Tổ trưởng tổ nhân công
- Nghề nghiệp: Lao động tự do
- Địa chỉ: Tràng An – Bình Lục – Hà Nam Ninh

CÁC BÊN THỎA THUẬN VÀ NHẤT TRÍ KÝ KẾT HĐ GIAO KHOÁN VỚI CÁC NỘI DUNG SAU:

Điều 1: Công việc, khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng.

- Ban chỉ huy công trường có nhu cầu và Tổ nhân công cam kết có đủ khả năng, kinh nghiệm để nhận thi công các hạng mục xây dựng theo hình thức: Khoán gọn.
- Đơn giá thanh toán theo biên bản giao khoán khối lượng công việc.
- Theo bảng kê khối lượng công việc và đơn giá kèm theo.
- Tổng giá trị hợp đồng: theo thực tế.

Điều 2: Chất lượng công việc và các nhu cầu năng lực, kỹ thuật.

.....

Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện.

- Thời gian thực hiện: từ ngày 25 tháng 02 năm 2008 đến ngày 02 tháng 08 năm 2008.
- Tiến độ thực hiện: Bên thuê sẽ chủ động điều phối tiến độ thi công chung toàn công trường để tổ nhân công phát huy hết năng lực.

Điều 4: Thanh toán hợp đồng.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt.
- Thời hạn thanh toán: Trong quá trình thi công bên nhận khoán sẽ được tạm ứng theo thoả thuận hai bên, khi nào nghiệm thu khối lượng hoàn thành thì mới được thanh toán.

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên.

.....

Điều 6: Những thoả thuận khác.

.....

BÊN GIAO KHOÁN

BÊN NHẬN KHOÁN

Biểu 2.9:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO KHOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC
(Theo hợp đồng giao khoán số 01 ngày 24 tháng 02 năm 2008)

I. BÊN GIAO KHOÁN: XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2

Ông: Trần Xuân Thắng

Chức vụ: Giám đốc XNXL 2

II. BÊN NHẬN KHOÁN:

Ông: Tống Đức Nam
công

Chức vụ: Tổ trưởng tổ nhân

Cùng nhau thống nhất các hạng mục công việc được giao khoán như sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Đơn giá giao khoán	Ghi chú
1	Đào đất cửa lọc	M ³	40.000 đ/m ³	
2	Thi công cửa lọc	Cái	317.000 đ/cái	
3	Đắp đất bờ bao	M ³	36.000 đ/m ³	
4	Đắp hoàn trả cửa lọc	M ³	30.000 đ/m ³	
	Tổng cộng			

BÊN GIAO KHOÁN

BÊN NHẬN KHOÁN

Các nhóm nhân công tiến hành sản xuất thi công theo hợp đồng làm khoán, tổ trưởng các tổ sản xuất theo dõi tình hình lao động của nhân công trong tổ mình thông qua Bảng chấm công ở ngay sau hợp đồng giao khoán. Khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm căn cứ thanh toán.

Biểu 2.10:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

Công trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

- Căn cứ hợp đồng giao khoán ...
- Căn cứ vào khối lượng công việc....

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2008 tại công trường thi công, chúng tôi gồm có:

I. BÊN GIAO KHOÁN: XÍ NGHIỆP XÂY LẬP 2

Ông: Trần Xuân Thắng

Chức vụ: Giám đốc XNXL 2

II. BÊN NHẬN KHOÁN:

Ông: Tổng Đức Nam

Chức vụ: Tổ trưởng tổ nhân

công

Cùng nhau tiến hành thống nhất khối lượng công việc hoàn thành theo bảng kê sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào đất cửa lọc	M ³	64,27	40.000	2.570.800
2	Thi công cửa lọc	Cái	6	317.000	1.902.000
3	Đắp đất bờ bao	M ³	944,77	36.000	34.011.720
4	Đắp hoàn trả cửa lọc	M ³	64,27	30.000	1.928.100
	Tổng cộng				40.413.000

Bên giao khoán chấp nhận nghiệm thu khối lượng công việc trên với giá trị thanh toán cho bên nhận khoán là. 40.413.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng chẵn).

Biên bản đã đọc lại và hai bên nhất trí ký tên.

BÊN GIAO KHOÁN

BÊN NHẬN KHOÁN

Biểu 2.11:**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2008***BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG****Công trình: Nạo vét Sông Sò từ K8+680 – K11+192 – Gói 7**

- Căn cứ hợp đồng giao khoán số 01/HĐNC ngày 24 tháng 02 năm 2008, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 28 tháng 06 năm 2008 giữa ông Trần Xuân Thắng và ông Tống Đức Nam.

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2008, tại BCH công trường, chúng tôi gồm có:

I. BÊN GIAO KHOÁN: BCH công trường

Ông: **Trần Xuân Thắng**

Chức vụ: Giám đốc XNXL 2

II. BÊN NHẬN KHOÁN:

Ông: Tống Đức Nam Năm sinh: 1973

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Địa chỉ thường trú: Bình Lục – Hà Nam Ninh.

Cùng nhau tiến hành thanh lý hợp đồng giao khoán số 01 ngày 24/02/2008.

Nội dung thanh lý:

Bên giao khoán chấp nhận khối lượng bên nhận khoán đã làm theo bảng tổng hợp giá trị thực hiện, là cơ sở để thanh toán cho bên nhận khoán.

Tổng giá trị phải thanh toán: 40.413.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng chẵn.

Bên giao khoán đã thanh toán: 40.413.000 đồng cho bên nhận khoán.

Bên giao khoán còn phải thanh toán: 0 đồng.

Hợp đồng giao khoán số 01/HĐNC ngày 24 tháng 02 năm 2008 được thanh lý từ ngày 28 tháng 06 năm 2008 và không còn giá trị.

BÊN GIAO KHOÁN

BÊN NHẬN KHOÁN

Việc hạch toán kết quả lao động được thực hiện trên cơ sở hợp đồng khoán khối lượng công việc, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc giao khoán, biên

Sinh viên: Vũ Thị Thuý Vân - Lớp QT902K

Sau khi kế toán xí nghiệp gửi các chứng từ liên quan lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ rồi căn cứ vào bảng kê chi phí nhân công đầu tư công trình để nhập vào phần mềm kế toán với các tao thác quy định. Khi nhập liệu, số liệu tự động chuyển đến Sổ nhật ký chung và Sổ chi tiết chi phí nhân công cho công trình Nạo vét Sông Sò. Sau đó, số liệu từ Sổ nhật ký chung được chuyển đến Sổ cái TK 622.

Biểu 2.13:

CÔNG TY CP XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Tên Công Trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

Số hiệu: TK 622

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT190	30/06	Hoàn ứng chi phí nhân công CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	40.413.000	
PKT196	30/06	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		40.413.000
		Cộng phát sinh		40.413.000	40.413.000
		Số dư cuối kỳ			

Số liệu từ Sổ chi tiết TK 622 sẽ được ghi vào Bảng tổng hợp chi phí (Biểu 2.29) để làm căn cứ tính giá thành công trình.

Biểu 14:

CÔNG TY CP XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: TK 622

Năm 2008

Chứng từ		Mã_vv	Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
PKT89	25/05/08	KSH	Hoàn ứng chi phí nhân công CT Kè Sông Hàn	141	28.080.000	
PKT95	30/05/08	NKB36	Hoàn ứng chi phí nhân công CT Nhà khách B36 – QK2	141	54.200.000	
PKT104	30/06/08	KSH	Kết chuyển CPSXDD CT Kè Sông Hàn	154		28.080.000
PKT108	30/06/08	NKB36	Kết chuyển CPSXDD CT Nhà khách B36 – QK2	154		54.200.000
PKT190	30/06/08	SONGSO	Hoàn CPNC CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	40.413.000	
PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		40.413.000
					
			Cộng phát sinh		21.285.274.336	21.285.274.336
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ cái TK 622 năm 2008)

2.2.3.3. Kế toán chi phí máy thi công

Công ty tiến hành thuê máy thi công thông qua hợp đồng kinh tế để thoả thuận giá cả và khối lượng công việc thực hiện. Chi phí thuê ngoài máy thi công đã bao gồm tất cả các khoản chi phí nhân công sử dụng máy thi công, chi phí nhiên liệu,... phục vụ cho máy thi công.

Tài khoản sử dụng: TK 623, các tài khoản liên quan như TK 141, TK 331,...

Chứng từ sử dụng: Hợp đồng kinh tế

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

Hoá đơn GTGT.

Ví dụ: Quá trình hạch toán chi phí máy thi công của công trình Nạo vét Sông Sò được diễn ra như sau:

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng máy thi công cho công trình, giám đốc xí nghiệp tiến hành ký hợp đồng kinh tế thuê máy thi công với công ty cổ phần cơ khí tàu cuốc & TM Hưng Thịnh.

Hợp đồng có mẫu biểu và nội dung như sau:

Biểu 2.15 :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 57/HĐKT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Thi công cơ giới Gói thầu số 7 - Nạo vét Sông Sò từ K8+680 – K11+192

Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Sông Sò - Tỉnh Nam Định.

- Căn cứ

- Căn cứ

- Căn cứ

1. Bên giao thầu (Bên A): Công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.

Đại diện: Ông Trần Xuân Thắng

Chức vụ: Giám đốc XNXL 2

Địa chỉ: 534 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

2. Bên nhận thầu (Bên B): Công ty CP cơ khí tàu cuốc & TM Hưng Thịnh.

Đại diện: Bà Trịnh Thị Tâm

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Hoàn Long – Yên Mỹ - Hưng Yên

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật giao công ty cơ khí tàu cuốc & thương mại Hưng Thịnh thi công nạo vét bằng tàu hút Góíi thầu số 7 - Nạo vét Sông Sò - Tỉnh Nam Định từ K8+680 – K11+192 (Đoạn C67B – C73B).

Điều 2: Thời gian th công và hoàn thành.

+ *Bắt đầu:* Ngày 26 tháng 02 năm 2008

+ *Hoàn thành:* Ngày 25 tháng 06 năm 2008.

Điều 3: Đơn giá và giá trị hợp đồng.

TT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng (Tạm tính)	Đơn giá (Đồng/m ³)	Thành tiền (Đồng)
1	Nạo vét bằng tàu hút vào bể số 9 và 11	M ³	34.600	24.000	830.400.000
2	VAT (5%)				41.520.000
	Cộng				871.920.000

- Hợp đồng thi công là trọn gói với khối lượng được căn cứ vào bản vẽ thiết kế của bên A đã được phê duyệt.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn mỗi bên.

.....

Điều 5: Tạm ứng, nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

.....

Điều 6: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng.

.....

Điều 7: Hiệu lực hợp đồng.

.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
TÀU CUỐC & TM HƯNG THỊNH**

Giám đốc

Trịnh Thị Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT**

Giám đốc XNXL 2

Trần Xuân Thắng

Sau khi ký kết hợp đồng, công ty cổ phần Cơ khí Tàu Cuốc và TM Hưng Thịnh tiến hành thi công theo hợp đồng. Khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành làm cơ sở để thanh toán.

Biểu 2.16 :

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG**

Dự án: Thuỷ lợi lưu vực Sông Hồng giai đoạn 2
Công trình: Nâng cấp hệ thống thuỷ lợi Sông Sò - Tỉnh Nam Định
Gói thầu số 7: Nạo vét Sông Sò từ K8+680 đến K11+192
Địa điểm xây dựng: Giao Thuỷ - Nam Định.

1. Đối tượng nghiệm thu.

- *Nạo vét sông bằng tàu hút.*

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu.

- **Bên A: Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật**

Địa chỉ trụ sở chính: 534 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Đại diện: Ông Trần Xuân Thắng

Chức vụ: Giám đốc XNXL 2

- **Bên B: Công ty CP cơ khí tàu cuốc & TM Hưng Thịnh**

Địa chỉ: Hoàn Long – Yên Mỹ - Hưng Yên

Đại diện: Bà Trịnh Thị Tâm

Chức vụ: Giám đốc

Ông Lê Minh Chiến

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu.

.....

4. Đánh giá bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công XD đã thực hiện.

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

.....

b. Chất lượng xây dựng bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng:

.....

c. Giá trị thanh toán:

TT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng (Tạm tính)	Đơn giá (Đồng/m ³)	Thành tiền (Đồng)
1	Nạo vét bằng tàu hút vào bể số 9 và 11	M ³	31.476	24.000	755.424.000
2	VAT (5%)				37.771.200
	Cộng				793.195.200

Bảy trăm chín mươi ba triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng.

5. Kết luận.

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng nói trên.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Công ty cổ phần Cơ khí Tàu Cuốc và TM Hưng Thịnh xuất hoá đơn GTGT.

Biểu 2.17:

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
KY/2008B
0073245

Ngày 25 tháng 06 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Cơ khí Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh.....
Địa chỉ: Hoàn Long – Yên Mỹ - Hưng Yên.....
Số tài khoản:
Điện thoại: MS:

0	9	0	0	2	3	8	7	8	1	—	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật.....
Địa chỉ: 534 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội.....
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: CK..... MS:

0	1	0	0	1	0	2	2	9	1	—	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thi công nạo vét bằng tàu hút theo HĐ số 57/HĐKT ngày 26/02/2008	M ³	31.476	24.000	755.424.000
Cộng tiền hàng:					755.424.000
Thuế GTGT: 5% Tiền thuế GTGT:					37.771.200
Tổng cộng tiền thanh toán:					793.195.200
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm chín mươi ba triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Kế toán xí nghiệp căn cứ vào các hoá đơn GTGT để vào bảng kê chi phí máy thi công.

Biểu 18 :

Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Mẫu:05/BKMTC**
 XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI PHÍ MÁY THI CÔNG
TÊN CÔNG TRÌNH: NẠO VÉT SÔNG SÒ TỪ K8+680 ĐẾN K11+192
Địa điểm thi công: Giao Thủy - Nam Định
Thời điểm thi công: Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Giá mua	Thuế đầu vào	Giá thanh toán
Số	Ngày						
73245	25/05/08	Thi công nạo vét bằng tàu hút	M ³	31.476	755.424.000	37.771.200	793.195.200
		Cộng			755.424.000	37.771.200	793.195.200

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2008

Giá đề nghị thanh toán kỳ này: 793.195.200 đồng

(Số tiền bằng chữ: Bảy trăm chín mươi ba triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm đồng)

Giải trình: (Nếu có)

Phần Công ty duyệt:

KẾ TOÁN GIÁ THÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÒNG KT-KH-KT

CHỦ NHIỆM CT

Bảng kê chi phí máy thi công cùng các chứng từ gốc sẽ được chuyển lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ rồi căn cứ vào bảng kê chi phí máy thi công để nhập vào phần mềm kế toán với các tao thác quy định. Khi nhập liệu, số liệu tự động chuyển đến Sổ nhật ký chung và Sổ chi tiết chi phí máy thi công cho công trình Nạo vét Sông Sò. Sau đó, số liệu từ Sổ nhật ký chung được chuyển đến Sổ cái TK 623.

Biểu 2.19:

CÔNG TY CP XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí máy thi công

Tên Công Trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

Số hiệu: TK 623

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT93	28/05/08	Hoàn ứng chi phí máy thi công CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	442.857.142	
PKT110	31/05/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		442.857.142
PKT191	30/06/08	Chi phí máy thi công phải trả Cty CP Cơ khí Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh	331	755.424.000	
PKT196	30/06/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		755.424.000
PKT286	31/07/08	Chi phí máy thi công phải trả Cty VT XD đường thủy nội địa	331	1.023.142.858	
PKT288	31/07/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		1.023.142.858
		Cộng phát sinh		2.221.424.000	2.221.424.000
		Số dư cuối kỳ			

Số liệu từ Sổ chi tiết TK 623 sẽ được ghi vào Bảng tổng hợp chi phí (Biểu 2.29) để làm căn cứ tính giá thành công trình.

Biểu 2.20:

CÔNG TY CP XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí máy thi công

Số hiệu: TK 623

Năm 2008

Chứng từ		Mã_vv	Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
PKT93	28/05/08	SONGSO	Hoàn ứng chi phí máy thi công CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	442.857.142	
PKT110	31/05/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		442.857.142
PKT154	17/06/08	KSH	Hoàn ứng chi phí máy thi công CT Kè Sông Hàn	331	727.478.852	
PKT191	30/06/08	SONGSO	Chi phí máy thi công phải trả Cty CP Cơ khí Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh	331	755.424.000	
PKT190	30/06/08	KSH	Kết chuyển CPSXDD CT Kè Sông Hàn	154		727.478.852
PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		755.424.000
PKT286	31/07/08	SONGSO	Hoàn ứng chi phí máy thi công CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	331	1.023.142.858	
PKT288	31/07/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		1.023.142.858
					
			Cộng phát sinh		27.545.072.997	27.545.072.997
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ cái TK 623 năm 2008)

2.2.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung hoạt động xây lắp của Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật bao gồm :

+ Lương nhân viên quản lý đội, phân xưởng, xí nghiệp, các khoản trích theo lương.

+ Các chi phí vật liệu dùng cho quản lý.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Các khoản chi phí khác bằng tiền phục vụ sản xuất sản phẩm xây lắp.

Các chi phí phát sinh trực tiếp tại công trình được tập hợp vào chi phí sản xuất chung của công trình đó, các chi phí phát sinh tại xí nghiệp được tập hợp và phân bổ cho các công trình mà xí nghiệp đang thi công.

Các chi phí phát sinh trực tiếp tại công trình đó là chi phí tiền lương của Ban chỉ huy công trường, chi phí máy thi công phục vụ cho công trình, các chi phí khác trực tiếp đầu tư cho công trình.

Ví dụ: Quá trình hạch toán chi phí sản xuất chung được diễn ra như sau:

Hàng tháng, kế toán xí nghiệp căn cứ bảng chấm công để tính lương cho ban chỉ huy công trình.

Các chi phí phát sinh tại xí nghiệp như tiền lương thanh toán nhân viên quản lý xí nghiệp, các chi phí phục vụ cho hoạt động của xí nghiệp được kế toán tập hợp vào bảng kê chi phí sản xuất chung.

Biểu 2.25:

Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu:01/BKĐT
 XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Bộ phận: Văn phòng Xí nghiệp xây lắp 2

Tháng 03 năm 2008

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
Số	Ngày		Giá mua chưa có thuế	Thuế GTGT	Cộng	
					
67060	14/03	Tiếp khách	1.083.000	108.300	1.191.300	
1112	21/03	Mua văn phòng phẩm	727.273	72.727	800.000	
BL07	31/03	Bảng thanh toán lương nhân viên quản lý XN	11.900.000		11.900.000	
BT07	31/03	BHXH, BHYT, KPCĐ trích theo lương	1.615.464		1.615.464	
KH07	31/03	Trích KH máy điều hoà General 18.000BTU	335.833		335.833	
					
		Cộng	26.218.072	265.415	26.483.487	

Chi phí sản xuất chung phát sinh tại văn phòng Xí nghiệp xây lắp 2 được phân bổ cho các công trình mà Xí nghiệp xây lắp 2 chịu trách nhiệm thi công trong tháng.

Công ty chọn tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung là giá trị sản lượng thực hiện của công trình. Trong tháng 3/2008 chi phí sản xuất chung của Xí nghiệp xây lắp 2 là 26.218.072 đồng. Dựa vào mức độ hoàn thành công việc do kỹ thuật giám sát công trình xác định, kế toán xí nghiệp xác định tổng giá trị sản

lượng thực hiện của các công trình của xí nghiệp trong tháng là 2.344.866.139 đồng, giá trị sản lượng thực hiện của công trình Nạo vét Sông Sò – Gói 7 là: 455.523.000 đồng.

Khi đó: Chi phí sản xuất chung phân bổ cho công trình Nạo vét Sông Sò – Gói 7 là:

$$= \frac{455.523.000}{2.344.866.139} \times 26.218.072 = 5.093.227$$

Chi phí sản xuất chung của Xí nghiệp trong các tháng khác phân bổ cho công trình tương tự như trên. Kế toán xí nghiệp tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình. Sau đó lập bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình.

Biểu 2.26:

Công ty CP Xây lắp Vật tư Kỹ thuật

XÍ NGHIỆP XÂY LẮP 2

BẢNG KÊ PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 03 năm 2008

STT	Đối tượng phân bổ	Số tiền
1	CT: Nạo vét Sông Sò	5.093.227
2	CT: Kè Sông Hàn	11.029.784
3	CT: Nhà khách B36 – QK2	10.095.061
	Tổng cộng	26.218.072

Kế toán xí nghiệp sẽ chuyển các bảng kê cùng các chứng từ gốc lên phòng kế toán công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ sau đó tổng hợp số liệu và nhập vào phần mềm. Từ đó, phần mềm kế toán tự động chuyển dữ liệu đến các sổ liên quan.

Biểu 2.27:

CÔNG TY CP XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Tên Công Trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

Số hiệu: TK 627

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT64	31/03/08	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	13.345.387	
PKT65	31/03/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		13.345.387
PKT82	29/04/08	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	14.738.290	
PKT83	29/04/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		14.738.290
PKT109	31/05/08	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	12.169.324	
PKT110	31/05/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		12.169.324
PKT190	30/06/08	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	18.505.160	
PKT196	30/06/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		18.505.160
PKT287	31/07/08	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	16.985.710	
PKT288	31/07/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		16.985.710
		Cộng phát sinh		75.734.871	75.734.871
		Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.28:

CÔNG TY CP XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: TK 627

Năm 2008

Chứng từ		Mã_vv	Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
PKT64	31/03/08	SONGSO	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	13.345.387	
PKT65	31/03/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		13.345.387
					
PKT270	08/07/08	NKB36	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nhà khách B36 – QK2	141	38.965.215	
PKT278	31/07/08	NKB36	Kết chuyển CPSXDD CT Nhà khách B36 – QK2	154		38.965.215
PKT287	31/07/08	SONGSO	Hoàn ứng chi phí sản xuất chung CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	141	16.985.710	
PKT288	31/07/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	154		16.985.710
					
			Cộng phát sinh		9.586.704.506	9.586.704.506
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ cái TK 627 năm 2008)

2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

2.2.4.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Ở công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chi phí so sánh, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán để kiểm tra độ chính xác sau đó tiến hành tổng hợp chi phí thực tế phát sinh.

Số liệu từ các sổ chi tiết tài khoản được máy tính tự động chuyển đến Bảng tổng hợp chi phí sản xuất.

Biểu 2.29: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất

CÔNG TY CP XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Số tiền
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.440.000
2	Chi phí nhân công trực tiếp	40.413.000
3	Chi phí máy thi công	2.221.424.000
4	Chi phí sản xuất chung	75.734.871
	Tổng cộng	2.339.011.871

2.2.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty

Sản phẩm làm dở của xí nghiệp chính là các công trình, hạng mục công trình mà đến cuối thời kỳ hạch toán vẫn còn trong giai đoạn thi công chưa hoàn thành bàn giao. Mục đích nhằm xác định giữa khối lượng đã làm được với chi phí sản xuất bỏ ra có phù hợp không, chi phí bỏ ra vượt so với khối lượng thừa hay khối lượng lớn hơn chi phí để từ đó có những biện pháp quản lý.

Đến cuối kỳ hạch toán cán bộ kỹ thuật, đội trưởng công trình có nhiệm vụ xác định khối lượng dở dang của từng công trình trên cơ sở căn cứ vào nhật ký thi công, điểm dừng kỹ thuật, bản vẽ thi công để từ đó tính toán ra số lượng đã thi

công, đó chính là khối lượng thi công dở dang (như căn cứ vào khối lượng đó và dựa vào định mức để xác định mức tiêu hao của từng loại vật liệu đã cấu tạo nên thực thể của công trình). Bộ phận kế toán khi nhận được “bảng kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang” cuối kỳ từ phòng kinh tế - kỹ thuật - kế hoạch gửi sang sẽ tiến hành xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán.

Đối với công trình Nạo vét Sông Sò – Gói 7, giá trị hợp đồng là 2.781.331.000 đồng. Công trình đã nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng nên tại thời điểm công trình hoàn thành không còn sản phẩm dở dang.

Biểu 2.30:

CÔNG TY CP XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tên Công Trình: Nạo vét Sông Sò – Gói 7

Số hiệu: TK 154

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT65	31/03/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	13.345.387	
PKT83	29/04/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	14.738.290	
PKT110	31/05/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	12.169.324	
PKT110	31/05/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	623	442.857.142	
PKT110	31/05/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	622	40.413.000	
PKT196	30/06/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	621	1.440.000	
PKT196	30/06/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	622	40.413.000	
PKT196	30/06/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	623	755.424.000	
PKT196	30/06/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	18.505.160	
PKT288	31/07/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	16.985.710	
PKT288	31/07/08	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	623	1.023.142.858	
PKT292	02/08/08	Kết chuyển giá vốn CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	632		2.339.011.871

		Cộng phát sinh		2.339.011.871	2.339.011.871
		Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.31:

CÔNG TY CP XÂY LẬP VẬT TƯ KỸ THUẬT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: TK 154

Năm 2008

Chứng từ		Mã_vv	Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		17.758.055.022	
					
PKT65	31/03/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	13.345.387	
PKT83	29/04/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	14.738.290	
PKT105	31/05/08	KSH	Kết chuyển CPSXDD CT Kè Sông Hàn	621	126.186.135	
PKT105	31/05/08	KSH	Kết chuyển CPSXDD CT Kè Sông Hàn	622	58.080.000	
PKT105	31/05/08	KSH	Kết chuyển CPSXDD CT Kè Sông Hàn	627	14.359.048	
PKT110	31/05/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	12.169.324	
PKT110	31/05/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	623	442.857.142	
PKT110	31/05/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	622	40.413.000	
PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	621	1.440.000	

PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	622	40.413.000	
PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	623	755.424.000	
PKT196	30/06/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	18.505.160	
PKT288	31/07/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	623	1.023.142.858	
PKT288	31/07/08	SONGSO	Kết chuyển CPSXDD CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	627	16.985.710	
PKT292	02/08/08	SONGSO	Kết chuyển giá vốn CT Nạo vét Sông Sò – Gói 7	632		2.339.011.871
			Cộng phát sinh		58.908.627.888	57.193.852.048
			Số dư cuối kỳ		19.472.830.862	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu: Trích Sổ cái TK 154 năm 2008)

2.2.4.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Thời điểm tính giá thành thực tế thường là khi kết thúc sản phẩm, công trình, hạng mục công trình, có thể là điểm dừng kỹ thuật của công việc xây lắp.

Khi công trình hoàn thành, bàn giao thì đại diện của xí nghiệp, đại diện của công ty cùng đại diện bên chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng công trình theo hợp đồng ký giữa công ty và bên chủ đầu tư. Sau đó lập biên bản nghiệm thu công trình.

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, bảng tổng hợp chi phí của từng công trình kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm công trình.

Chương 3**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT****3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
VẬT TƯ KỸ THUẬT**

Cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất nói chung và công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật nói riêng đã phải vượt qua những khó khăn ban đầu. Trong những năm đầu doanh thu từ hoạt động xây lắp của công ty mang lại chiếm tỷ trọng nhỏ. Nhưng từ khi cơ chế kinh tế thay đổi, hoạt động xây dựng cơ bản của công ty đã mang lại doanh thu lớn cho công ty. Các đơn vị trực thuộc công ty đã năng động, với đội ngũ đông đảo những kỹ sư và công nhân lành nghề đã thi công và hoàn thiện nhiều hạng mục công trình quan trọng, đã thiết lập nên uy tín và thu hút được nhiều nhà chỉ định thầu.

Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật hoạt động với tinh thần mới mẻ cả về phương hoạch toán kế toán lẫn chế độ kế toán đang áp dụng. Với xu hướng đó, một đóng góp không nhỏ là công tác kế toán, công tác cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định đã góp phần vào thông tin kịp thời cho lãnh đạo có hướng đi đúng.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật nói riêng đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty như sau:

3.1.1. Những ưu điểm**** Về công tác quản lý của công ty:***

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng của Công ty thực sự là cơ quan tham mưu giúp việc cho Giám Đốc một cách có hiệu quả, giúp cho

lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý kế toán khoa học, hợp lý và có hiệu quả phù hợp với tính chất đặc điểm của ngành xây lắp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty đã không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, quản lý công nghệ, ký kết nhiều hợp đồng và thi công nhiều công trình lớn. Công ty luôn tìm tòi khảo nghiệm cải tiến hợp lý hoá sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng các công trình và ngày càng khẳng định được uy tín của Công ty trong lĩnh vực xây lắp. Để có được những thành tựu như hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên trong công ty tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh hơn.

Hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế công nghiệp, nhu cầu về lĩnh vực xây dựng cơ bản là một nhu cầu quan trọng và luôn đi đôi với sự phát triển của Đất nước. Công ty đã nhận thức đúng đắn đường lối chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo các quy luật của thị trường. Vì vậy đã vượt qua được những khó khăn thử thách và không ngừng phấn đấu đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty được cải thiện nâng cao.

**** Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:***

Với bộ máy kế toán gọn nhẹ, quy trình kế toán hợp lý và đội ngũ kế toán có chuyên môn cao...hình thức kế toán kiêm nhiệm đã tạo điều kiện cho việc nâng cao chuyên môn và khả năng tổng hợp của kế toán. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về một hay một số phần hành kế toán nhất định nào đó nhưng tất cả đều tạo sự chỉ đạo toàn diện, thống nhất và tập trung của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên kế toán khác, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm chung trước những sai sót xảy ra trong hạch toán kế toán. Như vậy, công tác kế toán của Công ty sẽ giảm thiểu được tối đa những sai sót do nhầm lẫn hoặc gian lận gây nên, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các bộ phận. Về tổ chức công tác kế toán, nhìn chung chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp,

hợp lệ đầy đủ. Cách thức hạch toán của công ty nói chung khá hữu hiệu, phù hợp với chế độ kế toán mới.

Trong công ty có sự phân chia công việc và phối hợp công việc giữa các nhân viên kế toán phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán các xí nghiệp đã góp phần giảm khối lượng công việc, đặc biệt có hiệu quả trong việc kế toán chi phí tính giá thành sản phẩm xây lắp.

**** Về hình thức sổ kế toán:***

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty là nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ dễ theo dõi. Dựa trên đặc điểm riêng của công ty, quy mô và địa bàn hoạt động rộng cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Hơn nữa, công ty áp dụng phần mềm kế toán nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán kế toán. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**** Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:***

Công ty đã tổ chức vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị xây lắp. Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung cho các xí nghiệp nên tạo được sự chủ động tích cực và có trách nhiệm trong công việc của chỉ huy công. Mô hình tổ chức sản xuất này rất phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất của một công ty xây lắp – có địa điểm thi công phân tán, do đó mà kế toán công ty không thể theo dõi đầy đủ chi phí phát sinh của nhiều công trình.

Đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đúng đắn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thành sản phẩm không xác định là tháng hoặc quý

như các doanh nghiệp khác mà theo thời gian hoàn thành các công trình là phù hợp với thực tế công ty.

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Các vật liệu quan trọng có giá trị lớn thì công ty tổ chức tìm nguồn hàng, ký kết hợp đồng mua rồi vận chuyển đến tận chân công trình, còn lại thì xí nghiệp chủ động mua tùy theo yêu cầu thực tế của công trình. Như vậy công ty đã tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản vật liệu, chi phí vận chuyển từ kho bãi đến công trường. Điều này phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, bởi vì công trình thi công thường ở xa so với hệ thống kho bãi, nhu cầu nguyên vật liệu cho từng công trình khác nhau thì lại rất khác nhau. Đồng thời, với sự phát triển nhanh về vật liệu mới trong xây dựng, việc dự trữ vật liệu sẽ là không hiệu quả, có khi lại gây ra sự không đồng bộ dẫn đến ứ đọng vốn, tăng chi phí bảo quản.

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp:

Công ty sử dụng hình thức khoán gọn các công việc thủ công cho lao động tại địa phương nơi thi công công trình mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác cho người lao động. Đây là một hình thức quản lý hợp lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, vốn và hạ giá thành sản phẩm. Phương pháp khoán trong xây dựng cơ bản tạo điều kiện gắn lợi ích của người lao động với chất lượng và tiến độ thi công, xác định rõ trách nhiệm vật chất với từng cá nhân trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo và khả năng hiện có của công ty.

Việc hạch toán cũng thuận lợi hơn vì công ty không phải quản lý, trả lương cho các đối tượng này đồng thời tiết kiệm được chi phí đi lại, phụ cấp cho công nhân khi phải đi xa. Do vậy khoản mục chi phí nhân công trực tiếp cũng không đối ứng với tài khoản 334, 338 mà đối ứng với tài khoản 141 - Tạm ứng. Việc hạch toán như vậy giúp cho công ty theo dõi chi phí nhân công trực tiếp một cách

chính xác. Công ty không tiến hành trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ đối với công nhân trực tiếp thi công công trình nên việc công ty không phản ánh chi phí nhân công trực tiếp đối ứng với tài khoản 334 để tránh nhầm lẫn đối với các khoản trích.

- Đối với chi phí sản xuất chung:

Chi phí phát sinh tại công trình nào thì tính trực tiếp cho công trình đó, các chi phí phát sinh tại xí nghiệp được tập hợp và phân bổ cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp để quyết toán và ghi sổ.

Những ưu điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã có ảnh hưởng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm xây lắp. Điều này đã góp phần làm tăng lợi nhuận cho xí nghiệp.

3.1.2. Những nhược điểm

*** Về công tác quản lý:**

Việc tổ chức quản lý chưa được chặt chẽ, toàn diện, vì thế, giá thành sản phẩm chưa phản ánh đúng bản chất của nó. Việc khoán sản phẩm đi đôi với khoán nguyên vật liệu, giờ công là khá hiệu quả. Tuy nhiên vẫn còn kẽ hở về chi phí nguyên vật liệu do Xí nghiệp tự mua theo nhu cầu sản xuất. Phần nguyên vật liệu này có thể làm cho hoặc giá thành sản phẩm là có phần cao hơn hoặc chất lượng chưa được đảm bảo... nếu như các xí nghiệp không có được nguồn cung cấp với giá hợp lý hoặc mua nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng.

Việc phản ánh chi phí phát sinh của công trình thi công là không kịp thời do các xí nghiệp thi công chuyển chứng từ hoàn chi phí lên không được đầy đủ. Điều này ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí.

*** Về công tác kế toán tại công ty:**

- Về công tác luân chuyển chứng từ:

Công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng Tài chính - kế toán công ty vẫn còn sự chậm trễ. Thông thường, các chứng từ phát sinh sẽ được kế toán đơn vị tập hợp và chỉ đến cuối tháng hoặc cuối quý mới được

chuyển về phòng tài chính Công ty để vào sổ như vậy có nhiều chứng từ phát sinh trong tháng này, kỳ này thì phải đến tháng sau, kỳ sau mới được gửi lên. Chính sự chậm trễ này đã làm cho các công việc kế toán của văn phòng kế toán công ty không hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn và đồng bộ vì khối lượng công việc quá lớn.

*** Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:**

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho các xí nghiệp, điều đó có thể tạo cho các xí nghiệp có thể kê khai chi phí không chính xác. Một thực trạng thường thấy ở các xí nghiệp là họ kê khai chi phí lớn hơn hoặc bằng với mức giao khoán để xí nghiệp lỗ nên không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Có thể xảy ra tình trạng xí nghiệp ghi tăng chi phí nhân công trực tiếp vì chứng từ để hạch toán chi phí này là hợp đồng thuê khoán nhân công và biên bản thanh lý hợp đồng lao động.

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp:

Việc lấy thông tin từ chứng từ ban đầu để ghi sổ kế toán làm cho việc đối chiếu, kiểm tra thông tin kế toán trở nên khó khăn, phức tạp. Như việc tập hợp chi phí nhân công trực tiếp đối với các công trình có chi phí nhân công thuê ngoài hoàn toàn thì việc hạch toán rất đơn giản nhưng đối với các công trình sử dụng cả công nhân thuộc biên chế của công ty và công nhân trực tiếp theo hợp đồng thì việc phân bổ, kiểm tra sẽ khó khăn, phức tạp.

- Đối với chi phí sản xuất chung:

Kế toán xí nghiệp chưa tách được rõ các khoản trong chi phí sản xuất chung, mà tập hợp chung thành hai loại là chi phí sản xuất chung phát sinh trực tiếp tại công trình và chi phí sản xuất chung của toàn xí nghiệp phân bổ cho các công trình. Hạch toán như vậy sẽ khó cho việc kế toán công ty kiểm tra, đối chiếu, thường xảy ra tình trạng khai tăng chi phí.

- Công tác tính giá thành sản phẩm:

Một vấn đề quan trọng cần được quan tâm trong việc tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty là giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp tại công ty chính bằng tổng chi phí thực tế phát sinh từ khi khởi công công trình đến khi hoàn

thành bàn giao. Vì vậy khả năng xảy ra tình trạng chi vượt dự toán gây lỗi cho công trình là khá cao.

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật còn những hạn chế nhất định cần hoàn thiện hơn. Phương hướng chung để hoàn thiện công tác quản lý nói chung cũng như hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng là tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có, tìm biện pháp khắc phục những tồn tại, đảm bảo hạch toán đúng chế độ kế toán quy định và đáp ứng nhu cầu quản trị trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, xuất phát từ thực tế công ty và lý luận được nghiên cứu em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty như sau:

** Về công tác quản lý :*

- Công ty cần tổ chức quản lý chi phí chặt chẽ, toàn diện. Kế toán cần quản lý trên cơ sở xây dựng khung giá hợp lý đối với từng loại chi phí cho toàn công ty trong từng thời kỳ, nắm chắc giá cả thị trường để đối chiếu, kiểm tra hoá đơn, chứng từ do xí nghiệp chuyên lên.

- Xây dựng chế độ thưởng phạt rõ ràng đối với các cán bộ nhân viên quản lý công ty. Xây dựng cơ chế quản lý và phân phối quỹ tiền lương và thu nhập cho người lao động một cách công bằng và hợp. Đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty là rất quan trọng, quyết định sự thành bại trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy phải thường xuyên nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ bằng cách cử cán bộ đi học nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn.

*** Về công tác kế toán :**

- Về công tác luân chuyển chứng từ :

Công ty nên quy định rõ về kỳ luân chuyển chứng từ và có biện pháp đơn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán đội, mà biện pháp tốt nhất đó là thực hiện về mặt tài chính. Xuất phát từ hình thức khoán của công ty là công ty tiến hành cho các đội tạm ứng tiền để tự lo nguyên vật liệu, nhân công thuê ngoài... cho nên để khắc phục những trệ trễ trong việc luân chuyển chứng từ, công ty cần thực hiện nghiêm túc quy định các đơn vị phải nộp đầy đủ chứng từ lần này mới được cho tạm ứng tiếp.

*** Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:**

Việc giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho xí nghiệp làm cho công ty không giám sát chặt chẽ được quá trình phát sinh chi phí. Công ty chỉ nên giao khoán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung cho xí nghiệp.

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp :

Đối với những công trình thi công mà nhân công bao gồm cả công nhân sản xuất thuộc biên chế của công ty hoặc công nhân sản xuất theo hợp đồng thì khi tập hợp chi phí nhân công kế toán nên lập bảng kê chi phí nhân công theo các chỉ tiêu được phân loại rõ ràng.

BẢNG KÊ CHI PHÍ NHÂN CÔNG

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí nhân công trực tiếp của công nhân sản xuất thuộc biên chế Công ty.	
2	Chi phí nhân công trực tiếp của công nhân sản xuất theo hợp đồng	
3	Chi phí nhân công trực tiếp thuê ngoài	
	Cộng	

Việc sử dụng Bảng kê chi phí nhân công trực tiếp giúp cho việc quản lý chi phí nhân công được tốt hơn.

- Đối với chi phí sản xuất chung :

Để theo dõi một cách chính xác, kế toán xí nghiệp nên hạch toán rõ ràng các khoản trong chi phí sản xuất chung. Kế toán cần lập bảng tổng hợp chi tiết và bảng phân bổ các tài khoản : TK 627.1, TK 627.2, TK 627.4, TK 627.7, TK 627.8

- Công tác tính giá thành sản phẩm :

Để tiện theo dõi tình hình thực hiện các công trình xây lắp, công ty nên mở thẻ chi tiết giá thành, đồng thời tính cả tỷ trọng các khoản mục chi phí trong đó, nhằm theo dõi và quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất liên quan đến thi công trình, so sánh với dự toán nhằm kiểm soát kịp thời từng loại chi phí, tránh tình trạng chi vượt dự toán sau này, đảm bảo lợi nhuận của công ty được chính xác.

THẺ CHI TIẾT GIÁ THÀNH

Tháng ... năm ...

Công trình : ...

Đơn vị tính : ...

Mã vụ việc	Công trình	CPDD đầu kỳ	Chi phí sản xuất thực tế					CPDD cuối kỳ	Z _{SP} thực tế
			NVLTT	NCTT	MTC	SXC	Tổng		
								
	Tỷ trọng								

KẾT LUẬN

Hoà nhập với sự phát triển hùng mạnh của nền kinh tế thị trường trong điều kiện xã hội hiện nay, một doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại và đứng vững khi biết sử dụng kết hợp đúng đắn các yếu tố đầu vào, thông tin giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chi phối các quyết định quản trị. Nó gắn liền với công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Để thị trường chấp nhận sản phẩm của mình, có điều kiện cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp phải đảm bảo được chất lượng công trình, giá thành hạ. Vì vậy tổ chức kế toán phù hợp và chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và từng bộ phận nói riêng, góp phần quản lý vật tư, lao động tiền vốn có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại công ty, qua tìm hiểu thực tế em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ở mỗi doanh nghiệp thực sự quan trọng và là một nhân tố góp phần quyết định cho sự tồn tại và vị trí của doanh nghiệp trong điều kiện thị trường hiện nay.

Kết hợp giữa lý thuyết được học khi ngồi trên ghế nhà trường và tình hình thực tế tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật, ở bài viết này em mới chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản cũng như chỉ mới đưa ra những ý kiến bước đầu và chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo, các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo TS Giang Thị Xuyên và Ban lãnh đạo cùng các phòng ban của công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật đã hướng dẫn và tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, tháng 6 năm 2009

Sinh viên

Vũ Thị Thuý Vân

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	1
Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT	3
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ SẢN PHẨM XÂY LẮP.....	3
1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.	3
<i>1.1.1.1. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp</i>	3
<i>1.1.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</i>	5
1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp	5
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	6
1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	6
1.2.1. Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	7
<i>1.2.1.1. Khái niệm</i>	7
<i>1.2.1.2. Các cách phân loại chi phí sản xuất</i>	7
1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	10
<i>1.2.2.1. Khái niệm</i>	10
<i>1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp</i>	10
<i>1.2.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</i>	12

1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP.....	13
1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	13
<i>1.3.1.1. Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.1.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất</i>	<i>14</i>
<i>1.3.1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất</i>	<i>14</i>
1.3.2. Tổ chức quá trình kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	16
<i>1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....</i>	<i>16</i>
<i>1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</i>	<i>18</i>
<i>1.3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công</i>	<i>19</i>
<i>1.3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.....</i>	<i>23</i>
1.3.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất.....	24
1.3.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp	26
<i>1.3.4.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán</i>	<i>27</i>
<i>1.3.4.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán.....</i>	<i>28</i>
1.3.5. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	28
<i>1.3.5.1. Đối tượng tính giá thành</i>	<i>28</i>
<i>1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành</i>	<i>29</i>
1.4. TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY	30
1.4.1. Đặc trưng cơ bản của hoạt động kế toán máy	30
1.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính theo hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.....	31
Chương 2 THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT	33
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT	33

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	33
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	34
2.1.2.1. <i>Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	34
2.1.2.2. <i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý</i>	34
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	36
2.1.3.2. <i>Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật</i>	38
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT	42
2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	42
2.2.1.1. <i>Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất tại công ty</i>	42
2.2.1.2. <i>Đối tượng kế toán chi phí sản xuất tại công ty</i>	42
2.2.1.3. <i>Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại công ty</i>	42
2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	44
2.2.2.1. <i>Đối tượng tính giá thành tại công ty</i>	44
2.2.2.2. <i>Kỳ tính giá thành</i>	44
2.2.2.3. <i>Phương pháp tính giá thành tại công ty</i>	45
2.2.3. Công tác kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	46
2.2.3.1. <i>Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	47
2.2.3.2. <i>Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</i>	54
2.2.3.3. <i>Kế toán chi phí máy thi công</i>	62
2.2.3.4. <i>Kế toán chi phí sản xuất chung</i>	69
2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	75
2.2.4.3. <i>Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty</i>	78

Chương 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT	79
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT	79
3.1.1. Những ưu điểm.....	79
3.1.2. Những nhược điểm	83
3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT	85
KẾT LUẬN	